

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội tại Tờ trình số 1230/TTr-BQL ngày 16/9/2016 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Văn bản số 1610/STP-KSTTHC ngày 24 tháng 8 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 73 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Danh mục kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bãi bỏ 13/14 thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số 2502/QĐ-UBND ngày 06/6/2012 và thay thế 45/68 thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Danh mục kèm theo).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành Thành phố; Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; (để báo cáo)
- TT: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch, các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- VPUBTP: các PVP; Các phòng: NC, TKBT, ĐT, KT, KGVX, TH; 22
- Công thông tin điện tử Thành phố;
- Trung tâm Tin học Công báo;
- Lưu: VT, NC(8).

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Chung



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**

*Ban hành theo Quyết định số 554 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)*

**Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	SỐ TTHC	Tên thủ tục hành chính
I. Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư		
1	1	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
2	2	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố
3	3	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ
4	4	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố
5	5	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ
6	6	Thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
7	7	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư
8	8	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
9	9	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố
10	10	Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm

		quyền quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ
11	11	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đối với dự án đầu tư không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư
12	12	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đối với dự án đầu tư không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
13	13	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đối với dự án đầu tư không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố
14	14	Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đối với dự án đầu tư không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ
15	15	Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư
16	16	Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố
17	17	Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ
18	18	Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố và không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
19	19	Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
20	20	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế
21	21	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quyết định, bản án của toà án, trọng tài
22	22	Thủ tục nộp, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
23	23	Thủ tục giãn tiến độ dự án đầu tư

24	24	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
II. Lĩnh vực Xây dựng, Quy hoạch kiến trúc		
25	2	Cấp Giấy phép Quy hoạch
26	4	Thẩm định thiết kế cơ sở (đối với dự án nhóm B và nhóm C)
27	5	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình thuộc Báo cáo kinh tế kỹ thuật
28	6	Thẩm định thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
29	10	Cấp lại Giấy phép xây dựng
III. Lĩnh vực Công thương		
30	1	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ
31	2	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI
32	3	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ
33	4	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK
34	6	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E
35	7	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S
36	8	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC
37	9	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ
38	10	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK
39	11	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu X
40	19	Cấp sửa đổi thông tin Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, thông tin đăng ký Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
41	20	Cấp mới Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong Khu công nghiệp
42	21	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong Khu công nghiệp
43	22	Cấp lại Giấy phép bán buôn, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong Khu công nghiệp

44	23	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong Khu công nghiệp
45	24	Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp
46	25	Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp
47	26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp
48	27	Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp
IV. Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường		
49	1	Xác nhận, xác nhận lại đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (cấp thành phố)
50	2	Lập và đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản (cấp thành phố)
51	3	Lập và đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản (cấp quận, huyện)
52	4	Xác nhận, xác nhận lại đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (cấp quận, huyện)

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số TT HC	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
II. Lĩnh vực Xây dựng, Quy hoạch kiến trúc				
53	1	T-HNO-185628-TT	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	Luật Xây dựng số 50/2014-QH13 của Quốc Hội; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

54	3	T-HNO-185630-TT	Chấp thuận kiến trúc quy hoạch <i>(Điều chỉnh thành thủ tục Chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500)</i>	Luật Xây dựng số 50/2014-QH13 của Quốc Hội; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
55	7	T-HNO-185631-TT	Cấp Giấy phép xây dựng <i>(Đối với các công trình cấp III, IV)</i>	Luật Xây dựng số 50/2014-QH13 của Quốc Hội; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
56	9	T-HNO-185634-TT	Gia hạn Giấy phép xây dựng	Luật Xây dựng số 50/2014-QH13 của Quốc Hội; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
57	8	T-HNO-185647-TT	Điều chỉnh Giấy phép xây dựng	Luật Xây dựng số 50/2014-QH13 của Quốc Hội; Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết

				một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
III. Lĩnh vực Công thương				
58	12	T-HNO-035199-TT	Cấp giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BTM và Thông tư số 05/2008/TT-BCT bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BCT; Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.
59	13	T-HNO-035213-TT	Cấp lại Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương thay thế Thông tư số

				09/2007/TT-BTM và Thông tư số 05/2008/TT-BCT bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BCT Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.
60	14	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Cấp bổ sung Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho các doanh nghiệp <i>(Điều chỉnh thành thủ tục Cấp bổ sung nội dung hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa trong Giấy phép kinh doanh cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)</i>	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BTM và Thông tư số 05/2008/TT-BCT bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BCT Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.
61	15	T-HNO-035224-TT	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất cho các doanh nghiệp có vốn đầu	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ

			tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BTM và Thông tư số 05/2008/TT-BCT bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BCT; Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.
62	16	T-HNO-035244-TT	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BTM và Thông tư số 05/2008/TT-BCT bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BCT; Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.

63	17	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Cấp sửa đổi quy mô, bổ sung nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ tại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BTM và Thông tư số 05/2008/TT-BCT bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BCT; Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.
64	18	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất đã được thành lập theo quy định của pháp luật nhưng chưa được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại nghị định số 23/2007/NĐ-CP cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương thay thế Thông tư số 09/2007/TT-BTM và Thông tư số 05/2008/TT-BCT bổ sung Thông tư 09/2007/TT-BCT Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt

				động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá.
65	28	T-HNO-185608-TT	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội	Nghị định 64/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP; Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
66	29	T-HNO-185611-TT	Cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo qui định tại điểm a, khoản 1, Điều 10 Nghị định 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 <i>(Điều chỉnh thành thủ tục</i> <i>Cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội theo Điều 15 Nghị định</i>	Nghị định 64/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam

			07/2016/NĐ-CP 25/01/2016)	ngày	thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP; Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
67	30	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo qui định tại điểm a, khoản 1, Điều 11 Nghị định 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 (Điều chỉnh thành thủ tục Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo qui định tại Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016)	ngày	Nghị định 64/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP; Thông tư số 133/2012/TT- BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
68	31	T-HNO- 185622-TT	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo qui định tại Điều 14 Nghị định 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006 (Điều chỉnh thành thủ tục	ngày	Nghị định 64/2013/NĐ- CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ- CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế;

			<i>Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo Điều 21 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016)</i>	Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP; Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
69	32	T-HNO-185626-TT	Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội	Nghị định 64/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế; Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP; Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập

				Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam
70	33	T-HNO-036828-TT	Đăng ký Văn phòng phẩm, hàng hóa phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa cho các doanh nghiệp	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế.
71	5	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D cho các doanh nghiệp	Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung NĐ số 29/2009/NĐ-CP ngày 14/3/2009 quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 thay thế quy định thủ tục cấp C/O của Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010 của Bộ Công Thương.
V. Lĩnh vực Lao động Thương binh và xã hội				
72	1	T-HNO-034775-TT	Thừa nhận Nội quy lao động cho các doanh nghiệp	Thông tư số 13/2009/TT-BLĐTBXH ngày 01/5/2012

3. Danh mục thủ tục hành chính được giữ nguyên nhưng sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý

STT	Số TTHC	Tên thủ tục hành chính
V. Lĩnh vực Lao động Thương binh và xã hội		
73	2	Đăng ký kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày

4. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ, bãi bỏ, thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực Đầu tư trong nước, đầu tư của nước ngoài			
1	T-HNO-185498-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án trong nước không đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
2	T-HNO-185507-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án trong nước có đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
3	T-HNO-185508-TT	Đăng ký đầu tư đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài	Luật Đầu tư năm 2014
4	T-HNO-185509-TT	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô từ 300 tỷ đồng trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện	Luật Đầu tư năm 2014
5	T-HNO-185511-TT	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô dưới 300 tỷ đồng và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện	Luật Đầu tư năm 2014
6	T-HNO-185512-TT	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư có quy mô 300 tỷ đồng trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện	Luật Đầu tư năm 2014
7	T-HNO-185513-TT	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận	Luật Đầu tư năm 2014

		của Thủ tướng Chính phủ	
8	T-HNO-185516-TT	Thành lập chi nhánh gắn với cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuộc diện đăng ký	Luật Đầu tư năm 2014
9	T-HNO-185517-TT	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập chi nhánh đối với các dự án trên 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện	Luật Đầu tư năm 2014
10	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập chi nhánh đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện	Luật Đầu tư năm 2014
11	T-HNO-185522-TT	Thành lập doanh nghiệp gắn với cấp Giấy chứng nhận đầu tư thuộc diện đăng ký đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
12	T-HNO-185524-TT	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp đối với các dự án trên 300 tỷ đồng và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện	Luật Đầu tư năm 2014
13	T-HNO-185526-TT	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện	Luật Đầu tư năm 2014
14	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư gắn với thành lập doanh nghiệp	Luật Đầu tư năm 2014

		nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ	
15	T-HNO-185532-TT	Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư trong nước trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
16	T-HNO-185534-TT	Đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư trong nước trong trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh	Luật Đầu tư năm 2014
17	T-HNO-185535-TT	Đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
18	T-HNO-185539-TT	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
19	T-HNO-185544-TT	Thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư sau khi điều chỉnh thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ	Luật Đầu tư năm 2014
20	T-HNO-185548-TT	Đăng ký điều chỉnh nội dung Đăng ký kinh doanh trong Giấy chứng nhận đầu tư (Điều chỉnh GCNĐT)	Luật Đầu tư năm 2014
21	T-HNO-185549-TT	Đăng ký lại của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014

22	T-HNO-033557-TT	Chuyển đổi doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có từ hai chủ sở hữu trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật Đầu tư năm 2014
23	T-HNO-035834-TT	Chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài do một tổ chức hoặc cá nhân nước ngoài đầu tư thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Luật Đầu tư năm 2014
24	T-HNO-033577-TT	Chuyển đổi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	Luật Đầu tư năm 2014
25	T-HNO-185553-TT	Đăng ký đổi Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
26	T-HNO-033716-TT	Chuyển nhượng dự án đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
27	T-HNO-185559-TT	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án sử dụng vốn nhà nước	Luật Đầu tư năm 2014
28	T-HNO-185560-TT	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án sử dụng vốn nhà nước	Luật Đầu tư năm 2014
29	T-HNO-185562-TT	Tạm ngừng thực hiện dự án đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014

30	T-HNO-185573-TT	Giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
31	T-HNO-185577-TT	Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
32	T-HNO-035995-TT	Thanh lý dự án đầu tư	Luật Đầu tư năm 2014
Lĩnh vực Hội nhập kinh tế-Thương mại Quốc tế			
33	T-HNO-185618-TT	Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo qui định tại điểm b và c, khoản 1, Điều 11 Nghị định 72/2006/NĐ-CP ngày 25/7/2006	Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP.
34	T-HNO-185624-TT	Thông báo hoạt động của văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thay thế Nghị định số 72/2006/NĐ-CP.
Lĩnh vực Lao động, tiền lương, tiền công			
35	T-HNO-034071-TT	Xác nhận đăng ký Thang bảng lương cho các doanh nghiệp	Theo qui định tại khoản 2 Điều 93 của Bộ Luật lao động năm 2012
36	T-HNO-034378-TT	Thừa nhận Thỏa ước lao động tập thể cho các doanh nghiệp	Theo qui định tại Điều 75 của Bộ Luật Lao động năm 2012
37	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Cấp sổ lao động	Bộ Luật Lao động năm 2012

38	T-HNO-202247-TT	Cấp Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc trong khu công nghiệp theo hình thức hợp đồng lao động (người nước ngoài được cấp phép lần đầu)	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
39	Thủ tục không có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp có hiện diện thương mại tại Việt Nam trong khu công nghiệp	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
40	T-HNO-202257-TT	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức thực hiện thực hiện các loại hợp đồng Kinh tế, Thương mại, Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Khoa học kỹ thuật, Văn hóa, Thể thao, Giáo dục, Y tế, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
41	T-HNO-202263-TT	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức đại diện cho Tổ chức phi chính phủ nước ngoài được phép hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
42	T-HNO-202267-TT	Cấp Giấy phép lao động cho người nước	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03

		ngoài vào Việt Nam để thực hiện các gói thầu hoặc dự án của nhà thầu nước ngoài (người nước ngoài được cấp phép lần đầu)	tháng 02 năm 2016
43	T-HNO-202270-TT	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà có nhu cầu làm công việc khác vị trí công việc đã ghi trong giấy phép lao động	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
44	T-HNO-202271-TT	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động và đang còn hiệu lực mà có nhu cầu làm cho doanh nghiệp khác cùng vị trí công việc đã ghi trong giấy phép lao động	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
45	T-HNO-202273-TT	Cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động nhưng hết hiệu lực hoặc vô hiệu có nhu cầu làm việc cho doanh nghiệp khác cùng vị trí công việc đã ghi trong giấy phép lao động	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
46	T-HNO-202274-TT	Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
47	T-HNO-202276-TT	Gia hạn Giấy phép lao động đối với người nước ngoài làm việc	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016

		trong khu công nghiệp theo hình thức hợp đồng lao động	
48	T-HNO-202277-TT	Gia hạn Giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức di chuyển nội bộ doanh nghiệp có hiện diện thương mại tại Việt Nam trong khu công nghiệp	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016
49	T-HNO-202278-TT	Gia hạn Giấy phép lao động cho người nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam theo hình thức thực hiện các loại hợp đồng Kinh tế, Thương mại, Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Khoa học kỹ thuật, Văn hóa, Thể thao, Giáo dục, Y tế, nhà cung cấp dịch vụ theo hợp đồng	Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2016

Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

50	T-HNO-185882-TT	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	Luật bảo vệ môi trường năm 2014
51	T-HNO-185888-TT	Đăng ký, xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường	Luật bảo vệ môi trường năm 2014
52	T-HNO-185885-TT	Thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung	Luật bảo vệ môi trường năm 2014
53	T-HNO-185886-	Xác nhận việc thực	Luật bảo vệ môi trường

	TT	hiện các nội dung báo cáo và yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	năm 2014
Lĩnh vực đăng ký giao dịch đảm bảo			
54	T-HNO-034023-TT	Xác nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các doanh nghiệp	Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2015
55	T-HNO-185653-TT	Xác nhận hợp đồng thế chấp tài sản hoặc tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất cho các doanh nghiệp	Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2015
56	T-HNO-033839-TT	Xác nhận hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho các doanh nghiệp	Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2015
57	T-HNO-034035-TT	Xác nhận hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất cho các doanh nghiệp	Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2015
58	T-HNO-033177-TT	Xác nhận Hợp đồng thuê lại đất giữa doanh nghiệp đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng với tổ chức thuê đất	Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc xác nhận Hợp đồng thuê lại đất giữa doanh nghiệp thứ phát với Công ty kinh doanh hạ tầng

Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

I. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Thủ tục 1: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư: Mục tiêu của dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; Phù hợp với quy hoạch khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ (nếu có).

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunucngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất

	xử công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) . b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý là cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các Bộ, Ngành và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.1 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khoản 3 Điều 29 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)

Mẫu I.3
Đề xuất dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư
Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

b) Vốn lưu động: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

....

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)

Thủ tục 2. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố: Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuocngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 5: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC).

	b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	37 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - UBND Thành phố quyết định chủ trương đầu tư. - Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nơi dự kiến thực hiện chủ trương đầu tư. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp: các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định chủ trương đầu tư. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.1 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư; - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam; - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:..... Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNDKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 3. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Dự án xây dựng xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất thuốc lá điếu, vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunucngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 5: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; Trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) . - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 08 (tám) bộ
Thời hạn giải quyết	52 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư. - Ban Quản lý là cơ quan cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nơi dự kiến thực hiện chủ trương đầu tư. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan lập báo cáo thẩm định: Bộ KH&ĐT. d) Cơ quan phối hợp: UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định chủ trương đầu tư. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.1 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm e, g khoản 1, khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:.....

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 4. Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố: Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) . b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	32 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.

TTHC	
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp: các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.1 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý

Mẫu I.1
Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà DTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có);
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...;
- Chi phí xây dựng công trình;
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 5. Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương của Thủ tướng Chính phủ: Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất thuốc lá điều, vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) . - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (nếu có); - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường; - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 08 (tám) bộ
Thời hạn	47 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

giải quyết	
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan lập báo cáo thẩm định: Bộ KH&ĐT. d) Cơ quan phối hợp: UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.1 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm e, g khoản 1, khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 6. Thủ tục Quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên quy định tại Khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ Kế hoạch và Đầu tư và cơ quan có liên quan. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; Cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư; - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính; - Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) . b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	32 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, nhận được ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan.
Đối tượng thực hiện	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.

TTHC	
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các Bộ, Ngành liên quan khác.
Kết quả thực hiện TTHC	Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.1 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương:

.....

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh:.....Sinh ngày:/...../.....Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án đầu tư:

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư (tùy theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

- Các hồ sơ liên quan khác (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNDKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 7. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư: Trường hợp thay đổi tên dự án, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuocngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp: Không.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

	- Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / .. / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 8. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunucngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của Nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư; - Giải trình hoặc cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): các cơ quan nhà nước liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của

Căn cứ pháp lý của TTHC	Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / .. / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Mẫu 1.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...
tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

b) Vốn lưu động: ...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiền độ dự kiến.

c) Vốn khác:

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

....

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 9. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố: Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô, và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://daotunuocongaoi.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 5: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của Nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư; - Giải trình hoặc cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh. - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	26 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - UBND Thành phố Quyết định chủ trương đầu tư. - Ban Quản lý cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp: các cơ quan nhà nước có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định chủ trương. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư điều chỉnh trong trường hợp được chấp thuận chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định

	biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu 1.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: /.. /.... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /... / Ngày hết hạn://..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /..... /..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: ... do
(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư (tên dự án) với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo (ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1): ...

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP (liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư);
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn);
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(*áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư*)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(*nếu có*):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (*ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư*)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (*nếu có*):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 10. Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền Quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ: Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; Tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuoctngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ đến Bộ KH&ĐT, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 5: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của Nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư; - Giải trình hoặc cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh; - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 08 (tám) bộ
Thời hạn giải quyết	47 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - Thủ tướng Chính phủ Quyết định chủ trương đầu tư. - Ban Quản lý cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan lập báo cáo thẩm định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư. d) Cơ quan phối hợp: UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Quyết định chấp thuận chủ trương. - Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

	Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /... /..... Ngày hết hạn: /... /..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1): ...

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...
tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNDKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: (áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 11. Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư; - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp: Không.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu 1.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế

	hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / .. / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Dại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 12. Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư); - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có); - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): các cơ quan nhà nước liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu 1.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu 1.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu 1.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /... /..... Ngày hết hạn: /... /..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Mẫu 1.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

- 1. Tiến độ dự án:** Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh;
- 2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:**
Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:
 - Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
 - Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
 - Vốn khác:
- 3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:**
- 4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:**
 - Doanh thu:
 - Giá trị xuất, nhập khẩu:
 - Lợi nhuận:
 - Ưu đãi đầu tư được hưởng:
 - Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);
- 5. Những kiến nghị cần giải quyết:**

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác:*

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018*): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: *(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài *(nếu có):*

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi *(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi *(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi *(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư *(nếu có):*

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 13. Thủ tục điều chỉnh Quyết định chủ trương đối với dự án đầu tư không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố: Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; Tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; Điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có)

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư); - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có); - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	23 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp: các cơ quan nhà nước có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu 1.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu 1.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu 1.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều	Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư.

kiện thực hiện TTHC	
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: /... /..... Ngày hết hạn: /... /..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 14. Thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đối với dự án đầu tư không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Thủ tướng Chính phủ: Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có)

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và cấp Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ KH&ĐT, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh; - Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư (đối với các trường hợp điều chỉnh nội dung quy định tại các Khoản 4, 5, 6, 7, 8 và 10 Điều 39 Luật Đầu tư); - Giải trình hoặc cung cấp giấy tờ liên quan đến việc điều chỉnh những nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, đ, e, g Khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư (nếu có); - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 08 (tám) bộ
Thời hạn giải quyết	42 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan lập báo cáo thẩm định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, d) Cơ quan phối hợp: UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.

	- Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: /... /..... Ngày hết hạn: /... /..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, ...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...*) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018*): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 15. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuocngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư (nếu có); - Bản sao Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) ; - Bản sao một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố, các cơ quan nhà nước có liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

hiện TTHC	
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.3 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
*(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận
đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ
trương đầu tư)*

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / .. / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Mẫu I.8
Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Mẫu I.3
Đề xuất dự án đầu tư
(Áp dụng đối với dự án không thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư
Khoản 2 Điều 37 Luật đầu tư)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ)đồng và tương đương (bằng chữ)đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

b) Vốn lưu động: ...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ)đô la Mỹ.

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác:*

5. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

7. Nhu cầu về lao động: (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

9. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):..

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 16. Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố: Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuocngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 5: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm chuyển nhượng dự án - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chủ trương đầu tư; - Bản sao Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) ; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	28 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - UBND Thành phố điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư. - Ban Quản lý cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

	b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan nhà nước có liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	- Điều chỉnh Quyết định chấp thuận đầu tư. - Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp được chấp thuận chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:
Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

ST T	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 17. Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng chính phủ:

Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất thuốc lá điếu, vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunucngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ KH&ĐT, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 5: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm chuyển nhượng dự án - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chủ trương đầu tư; - Bản sao Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) ; - Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 08 (tám) bộ
Thời hạn giải quyết	47 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: - Thủ tướng chính phủ điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư;

hiện TTHC	- Ban Quản lý cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan lập báo cáo thẩm định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư. d) Cơ quan phối hợp: UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	- Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư. - Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu 1.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu 1.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu 1.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm e, g khoản 1, khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: /... /..... Ngày hết hạn://..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày: /... /..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /... /..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ :

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Mẫu 1.8

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh
(Điều 33, 34, 35, 36, 37 Nghị định 118/2015/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
ngày... tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):

- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):

- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):

- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Vốn khác:*

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018*): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ: *(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi *(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi *(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi *(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 18. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố và không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm chuyển nhượng dự án - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư; - Bản sao Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) ; - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	25 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND Thành phố. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): các cơ quan nhà nước có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn,	- Mẫu I.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định

mẫu tờ khai	biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm b khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: /.. /..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /... / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: /.... / Ngày hết hạn://..... Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày: /..... /..... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: /... / Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Dại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...
tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư (*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định: ... (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước, ...:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động: (*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ, ...*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...*) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2018*): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động (*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*):

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:*(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài*(nếu có):*

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

*Cơ sở pháp lý của ưu đãi**(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

*Cơ sở pháp lý của ưu đãi**(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

*Cơ sở pháp lý của ưu đãi**(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):*

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư *(nếu có):*

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 19. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và không cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Dự án xây dựng xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, sản xuất thuốc lá điếu, vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ KH&ĐT, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm chuyển nhượng dự án - Hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương; - Bản sao chứng minh nhân dân, căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với nhà đầu tư là tổ chức của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng; - Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư; - Bản sao Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (BCC) ; - Bản sao một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 04 (bốn) bộ
Thời hạn giải quyết	42 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ tướng Chính phủ. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan lập báo cáo thẩm định: Bộ Kế hoạch và Đầu tư d) Cơ quan phối hợp: UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.

Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.6 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.8 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Mẫu I.2 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Điểm e, g khoản 1, khoản 2 Điều 31 Luật Đầu tư.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư được quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư(số, ngày cấp, cơ quan cấp) và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của dự án (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:
Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):
Số giấy chứng thực cá nhân:
Ngày cấp: / .. / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:
Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:
Ngày cấp: Cơ quan cấp:
Địa chỉ trụ sở:
Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:
Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:
Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:
Địa chỉ thường trú:
Chỗ ở hiện tại:
Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:.....

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/Số quyết định thành lập: do (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH VĂN BẢN QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Quyết định chủ trương đầu tư :.....
- Nay đề nghị sửa thành:
- Giải trình lý do, cơ sở đề nghị điều chỉnh:

2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo:

IV. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ (nếu có):

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:
- Nay đăng ký sửa thành:
- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

V. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo.

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư: (Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao Quyết định chủ trương đầu tư và các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày...
tháng... năm ...)

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư/các nhà đầu tư (nêu tên của các nhà đầu tư) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày..... tháng..... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ dự án: Giải phóng mặt bằng, tái định cư; xây dựng; sử dụng đất; trang bị máy móc, thiết bị; vận hành, sản xuất, kinh doanh:

2. Tiến độ thực hiện vốn đầu tư:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp của từng nhà đầu tư):
- Vốn vay (ghi số giá trị đã vay và nguồn vốn):
- Vốn khác:

3. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chủ trương đầu tư:

4. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án đến thời điểm báo cáo:

- Doanh thu:
- Giá trị xuất, nhập khẩu:
- Lợi nhuận:
- Ưu đãi đầu tư được hưởng:
- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có);

5. Những kiến nghị cần giải quyết:

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)			
2				

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.

3. Quy mô đầu tư:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế:
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha):
- Quy mô kiến trúc xây dựng (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,...):

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);
- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có);

- 4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất (*lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*)
- 4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).
- 4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
- 4.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.
- 4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư(*nếu có*):

5. Vốn đầu tư:

5.1. Tổng vốn đầu tư:(*bằng chữ*)đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...(bằng chữ)đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

Trong đó:

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (*nếu có*):
- Chi phí thuê đất, mặt nước,....:
- Chi phí xây dựng công trình:
- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;
- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.
- Chi phí dự phòng;

Cộng:

b) Vốn lưu động:(*bằng chữ*)đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư(*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiền độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...*) và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác:

6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án(*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018*): Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời gian xây dựng, thời gian vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ

8. Nhu cầu về lao động(*nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể*):....

9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

10. Giải trình về sử dụng công nghệ:(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)

- Tên công nghệ;
- Xuất xứ công nghệ;
- Sơ đồ quy trình công nghệ;
- Thông số kỹ thuật chính;
- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;
- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;
- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài(nếu có):

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):...

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng):

4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có):

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 20. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế:

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuocongaoi.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu có giá trị pháp lý tương đương của nhà đầu tư tiếp nhận dự án đầu tư; - Bản sao nghị quyết hoặc quyết định của nhà đầu tư về việc tổ chức lại, trong đó có nội dung về việc xử lý tài sản, quyền và nghĩa vụ liên quan đến dự án đầu tư; b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có liên quan.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư.

	- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / .. / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 21. Thủ tục điều chỉnh dự án đầu theo quyết định, bản án của toà án, trọng tài

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunucngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; - Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức; - Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của tòa án, trọng tài; b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố, các cơ quan nhà nước có liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu 1.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khoản 2 Điều 39 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về

	cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận
đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ
trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)
Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ
chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / .. / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc
mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng
nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu
tư, gồm:**

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

**2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư
thứ nhất**

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 22. Thủ tục nộp, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuocngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu 1.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - <u>Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008</u> của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự;

	- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ
(Áp dụng cho các dự án điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận
đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh – không thuộc diện điều chỉnh chủ
trương đầu tư)

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / ... / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ
chiếu):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / ... / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc
mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng
nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

**Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu
tư, gồm:**

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày: / / Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / .. / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

**2. Nhà đầu tư tiếp theo: thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư
thứ nhất**

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH:

Đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư(tên dự án)với nội dung như sau:

1. Các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung điều chỉnh:

2.1. Nội dung điều chỉnh 1:

- Nội dung đã quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh:

- Nay đăng ký sửa thành:

- Lý do điều chỉnh:

2.2. Nội dung điều chỉnh tiếp theo(ghi tương tự như nội dung điều chỉnh 1):

3. Các văn bản liên quan đến nội dung điều chỉnh (nếu có).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b) Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

V. HỒ SƠ KÈM THEO:

1. Các văn bản quy định tại Điều 33 Nghị định 118/2015/NĐ-CP(liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo).

Trong đó: Quyết định của nhà đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư(Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc điều chỉnh dự án đầu tư hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật).

2. Bản sao các Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 22. Thủ tục nộp, cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunuocngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	- 05 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp bị mất, bị hỏng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - 03 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.7 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Khoản 1 Điều 40 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ đối với trường hợp bị mất, hỏng; Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ đối với trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin tại hồ sơ đăng ký đầu tư.
	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của

Căn cứ pháp lý của TTHC	Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Thủ tục 23. Thủ tục giãn tiến độ dự án đầu tư

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 3: Nhà đầu tư nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư. - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có). b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý. c) Cơ quan phối hợp (nếu có): Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND Thành phố và các cơ quan nhà nước có liên quan và các phòng chuyên môn có liên quan thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Văn bản về việc giãn tiến độ đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.9 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự; - Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của

	UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày: / .. / Quốc tịch:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Mã số/số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Quyết định thành lập:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
..... (tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN VÀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỚI NHÀ NƯỚC

1. Tình hình hoạt động của dự án

1.1. Thực hiện các thủ tục hành chính (nêu thủ tục đã thực hiện, chưa thực hiện):

1.2. Tiến độ triển khai dự án (nêu theo từng giai đoạn đối với dự án đầu tư có nhiều giai đoạn):

- Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động (nếu có):

- Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động:

2. Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:

- Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (nếu có):

- Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba, ...

IV. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT GIÃN TIẾN ĐỘ

Đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (tên dự án), đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh mã số/số, do (tên cơ quan cấp) cấp ngày..... với nội dung như sau:

1. Nội dung cụ thể giãn tiến độ (ghi cụ thể nội dung đề xuất giãn tiến độ như tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động; tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư...)

2. Thời gian giãn tiến độ:

3. Giải trình lý do giãn tiến độ:

4. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án:

- Kế hoạch góp vốn:

- Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động:

V. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Về việc tiếp tục thực hiện dự án

3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

VI. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/ Giấy phép kinh doanh hoặc Quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định của nhà đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư (*Quyết định và bản sao hợp lệ biên bản họp của Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/thành viên hợp danh/chủ sở hữu của Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư về việc giãn tiến độ thực hiện dự án hoặc văn bản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật*).

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Thủ tục 24. Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Trình tự thực hiện	Bước 1: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, kê khai thông tin hồ sơ tại địa chỉ http://fia.mpi.gov.vn/fdi hoặc http://dautunucngoai.gov.vn/fdi Bước 2: Nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 3: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận và in Giấy biên nhận hồ sơ từ Hệ thống và giao cho Nhà đầu tư. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn Nhà đầu tư bổ sung, sửa đổi theo đúng quy định. Bước 4: Nhà đầu tư nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” thuộc Ban Quản lý theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Nộp trực tiếp tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý tại địa chỉ: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Văn bản đề nghị đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Bản sao Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương. b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc, kể từ nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý. b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Đầu tư thuộc Ban Quản lý.
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
Phí, lệ phí	Không
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Mẫu I.12 Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch; - Nghị định số 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự;

	- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư. - Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ
ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư thứ nhất:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác ((nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website:

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Sinh ngày:/...../..... Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất):

II. THÔNG TIN TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Mã số doanh nghiệp/số GCNĐT/số quyết định thành lập: do
(tên cơ quan cấp) cấp lần đầu ngày:

III. NỘI DUNG ĐĂNG KÝ ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

1. Các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh và các giấy điều chỉnh đã được cấp:

ST T	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Các thông tin đề nghị ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ghi đầy đủ các thông tin theo mẫu Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Thông tư này trên cơ sở các Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh/... đã cấp):

.....

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

Bản sao các Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư, Giấy phép kinh doanh đã cấp.

Làm tại, ngày tháng năm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

II. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, QUY HOẠCH KIẾN TRÚC

Thủ tục 1: Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	- Đơn đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng (<i>theo mẫu Phụ lục 01 để tham khảo</i>); - Sơ đồ vị trí lô đất trong khu công nghiệp có đóng dấu của Chủ đầu tư.
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ.
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội nếu có nhu cầu cần cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Phiếu cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng.
Phí, lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng (<i>Theo mẫu Phụ lục 01 để tham khảo</i>).

Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

1. Tên tổ chức:

- Người đại diện:

- Địa chỉ: số nhà....., đường (phố)....., phường
(xã).....

quận (huyện)....., tỉnh (thành phố).....,
nước.....

- Điện thoại:.....,

Fax:.....

2. Công ty chúng tôi đã được (*Ghi đơn vị cấp*) cấp giấy Chứng nhận đầu
tư (nếu có) / hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số..... ngày tháng
năm

Để có đầy đủ các thông số về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất lập dự án đầu tư
xây dựng công trình (hoặc hạng mục công trình thuộc dự án): (*Ghi đúng tên dự án
trong giấy chứng nhận đầu tư nếu có*)....., đề nghị Ban
Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cung cấp thông tin về quy hoạch xây
dựng tại:

+ Lô đất số:; Diện tích:

Thuộc Khu công nghiệp.....theo quy hoạch đã được duyệt.

.....Ngày.....tháng.....năm 20.....

Đơn đính kèm:

- Trích sao vị trí lô đất

Người làm đơn

(*Ký tên và đóng dấu*)

Thủ tục2: Cấp Giấy phép quy hoạch

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch (theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 của UBND Thành phố Hà Nội); 2. Sơ đồ vị trí địa điểm đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch; 3. Dự kiến phạm vi, ranh giới khu đất đề nghị cấp Giấy phép quy hoạch và các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị; 4. Dự kiến nội dung đầu tư, quy mô dự án và tổng mức đầu tư; 5. Báo cáo về pháp nhân và năng lực tài chính để triển khai dự án đầu tư công trình.
Số lượng hồ sơ	- 01 bộ hồ sơ; - Căn cứ vào nội dung hồ sơ và yêu cầu lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan về nội dung giấy phép quy hoạch, Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội sẽ yêu cầu tổ chức cung cấp đủ hồ sơ để gửi các cơ quan liên quan.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư xây dựng các công trình trong Khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có quy hoạch chi tiết được duyệt, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị đối với một lô đất.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép quy hoạch
Phí, lệ phí	Lệ phí cấp Giấy phép quy hoạch thu theo Thông tư số 23/2012/TT-

	BTC ngày 16/02/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí cấp giấy phép quy hoạch (2.000.000 đồng/giấy phép)
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị chấp giấy phép quy hoạch (Theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 của UBND TP. Hà Nội).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH13 của Quốc Hội; - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 30/8/2011 của UBND Thành phố Hà Nội về cấp Giấy phép quy hoạch trên địa bàn thành phố Hà Nội; - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Chủ đầu tư:.....

- Người đại diện:..... Chức vụ:.....

- Địa chỉ liên hệ:.....

- Số nhà:..... Đường:.....

Phường (xã/thị trấn):..... Quận (huyện, thị xã):.....

Tỉnh, thành phố:.....

- Số điện thoại:.....

2. Vị trí, quy mô khu vực dự kiến đầu tư:.....

- Phường (xã/thị trấn):..... Quận (huyện, thị xã):.....

- Thành phố:.....

- Phạm vi ranh giới:.....

- Quy mô, diện tích:.....

- Hiện trạng sử dụng đất:.....

3. Nội dung đầu tư:.....

- Chức năng công trình:.....

- Mật độ xây dựng:.....

- Chiều cao công trình:.....

- Số tầng:.....

- Hệ số sử dụng đất:.....

- Dự kiến tổng diện tích sàn xây dựng:.....

4. Tổng mức đầu tư dự kiến xây dựng:.....

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Đơn đính kèm:

....., ngày.....tháng.....năm.....

- Bản đồ hiện trạng vị trí khu đất.-

Người làm đơn

.....

Đóng dấu (nếu là tổ chức), ký, ghi rõ họ tên

Thủ tục 3: Chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	- Đơn đề nghị Chấp thuận Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (theo mẫu tại Phụ lục 02 để tham khảo); - Các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai như: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hợp đồng thuê đất và các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất khác theo quy định (Bản sao có đóng dấu của Chủ đầu tư); - 02 Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (theo hướng dẫn tại Phụ lục 03). Lưu ý: - Đối với trường hợp xây dựng mở rộng các giai đoạn tiếp theo thì cần thể hiện rõ phần hiện trạng và phần quy hoạch mở rộng trên Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng.
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ.
Thời hạn giải quyết	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện	Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội ký, đóng dấu chấp thuận bản vẽ Mặt bằng quy hoạch tổng thể.

TTHC	
Phí, lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 (Theo mẫu tại Phụ lục 02 để tham khảo).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; - Thông tư số 19/2008/TT-BXD ngày 20/11/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế; - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHẤP THUẬN QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG
TỶ LỆ 1/500

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

1. Tổ chức:

- Họ tên người làm đơn :
- Đại diện cho:
- Địa chỉ liên hệ: Số nhà.....Đường (phố).....
Phường (xã) Quận (huyện).....Tỉnh (thành phố):
- Điện thoại:.....Fax:.....

2. Địa điểm lập dự án:

Công ty chúng tôi đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (nếu có) / hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:.....

Tại: + Lô đất số:..... + Diện tích lô đất (m²):

Thuộc khu công nghiệp:

(Có sơ đồ vị trí kèm theo)

3. Khái quát về dự án:

- Tên dự án: (Ghi đúng tên dự án trong Giấy chứng nhận đầu tư nếu có)
.....

- Chức năng công
trình:.....

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (Tên công trình)

Diện tích xây dựng (m²):.....

Tổng diện tích sàn xây dựng (m²):.....

Chiều cao công trình (m):.....Số tầng (tầng).....

4. Để có cơ sở triển khai nghiên cứu các bước tiếp theo của dự án đầu tư theo đúng quy định, kính đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chấp thuận Mặt bằng quy hoạch tổng thể tỷ lệ 1/500 của công ty chúng tôi

tại vị trí lô đất nêu trên. Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố Hà Nội về quản lý đầu tư xây dựng.

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm..... ..

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

NỘI DUNG LẬP BẢN VẼ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG TỶ LỆ 1/500

Trên Bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng cần trình bày và thể hiện những nội dung theo hướng dẫn sau:

*** PHẦN TIÊU ĐỀ (1):**

Nội dung như sau:

“1. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 năm 2014;
- Căn cứ các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành;
- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án hoặc công trình (nếu có) số/..... của;
- Các căn cứ khác (nếu có).”

*** PHẦN TIÊU ĐỀ (2):**

Nội dung như sau:

- Phần (2.1):

“2. CÁC CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT:

- TỔNG DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m²):
- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m²):
- TỔNG DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m²):
- DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG (m²):
- DIỆN TÍCH CÂY XANH (m²):
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%):
- TỶ LỆ SÂN ĐƯỜNG (%):
- TỶ LỆ CÂY XANH (%):
- HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (Lân):
- TẦNG CAO TRUNG BÌNH (Tầng):
- CHIỀU CAO CÔNG TRÌNH (m):

- Phần (2.2):

Ghi chú ký hiệu các nét vẽ, số hiệu các hạng mục công trình thể hiện trên bản vẽ Mặt bằng quy hoạch tổng thể, cụ thể như sau:

“ KÝ HIỆU:



CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ



NHÀ ĐIỀU HÀNH

-
- * **PHẦN TIÊU ĐỀ (3):** Thể hiện toàn bộ bản vẽ Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.
Bản vẽ Tổng mặt bằng cần thể hiện được các nội dung sau:
- Lối ra vào: ký hiệu "▼"
 - Thể hiện ký hiệu: Biểu đồ hoa gió và Tỷ lệ xích.
 - Các hạng mục chính và hạng mục phụ trợ:
 - + Phải có đầy đủ các kích thước để tính được diện tích.
 - + Chấm ký hiệu số tầng.
 - + Nét vẽ mái phải đúng kiểu mái: Mái bê tông (thể hiện độ dốc thoát nước); Mái tôn (thể hiện hướng của sóng).
 - Đánh số hiệu các hạng mục.
 - Kẻ bảng diễn giải các hạng mục:
Số hiệu - Tên hạng mục - Diện tích xây dựng - Diện tích sàn xây dựng - Số tầng.
 - Nét vẽ sân vườn.
 - Các kích thước thể hiện chỉ giới xây dựng; khoảng cách giữa các hạng mục công trình, giữa hạng mục công trình và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới phân cách; đường giao thông; cây xanh;

- Nét vẽ tường rào:



- Nét chỉ giới đường đỏ:



- Nét chỉ giới xây dựng:



* **PHẦN TIÊU ĐỀ (4):**

- Mặt bằng thể hiện vị trí lô đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao
- Ghi chú là: “ **SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LÔ ĐẤT** ”
- Đánh dấu vị trí lô đất bằng nét vẽ đặc trưng, dễ nhìn, ghi chú “**Vị trí lô đất**” và có mũi tên chỉ dẫn.

* **PHẦN TIÊU ĐỀ (5):** Các mặt cắt:

- Tiêu đề: “**MẶT CẮT A-A**”, “**MẶT CẮT B-B**”
- Tỷ lệ: 1/250.
- Thể tối thiểu 2 mặt cắt theo 2 phương vuông góc sao cho cắt qua được các hạng mục chính.
- Thể hiện đầy đủ các kích thước chiều cao tầng, các cốt cao độ.

* **PHẦN TIÊU ĐỀ (6):**

Phân ký duyệt của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
Ghi như sau:

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI
CHẤP THUẬN BẢN VẼ MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ TỶ LỆ 1/500
(ĐIỀU CHỈNH NẾU CÓ)

DO LẬP THÁNG NĂM

Hà Nội, ngày tháng năm

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ DỰ ÁN TỶ LỆ 1/500
(GIAI ĐOẠN MỞ RỘNG HOẶC ĐIỀU CHỈNH LẦN THỨ - NẾU CÓ)

(4)

(3)

(5)

(2.2)

(6)

(2)

(1)

Thủ tục 4: Thẩm định thiết kế cơ sở (Đối với dự án nhóm B, nhóm C)

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Hồ sơ pháp lý: - Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở (<i>theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng</i>); - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp trong nước) hoặc Bản photocopy Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); - Bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi (lập theo Điều 54 Luật Xây dựng số 50 năm 2014); - Các tài liệu khảo sát địa chất công trình kèm theo biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát (<i>Bản sao có đóng dấu của Chủ đầu tư</i>); - Giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát địa chất công trình và chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế các bộ môn: kiến trúc, kết cấu, điện, nước và chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình (<i>Bản sao có chứng thực</i>). - Đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách phải bổ sung thêm các Quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (<i>Bản sao có chứng thực</i>). 2. Hồ sơ bản vẽ: Hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở phải thể hiện được những yêu cầu chính sau đây: - Sơ đồ vị trí lô đất trong khu công nghiệp; - Bản vẽ Tổng mặt bằng quy hoạch dự án: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Đối với trường hợp xây dựng mở rộng dự án thì phải bổ sung

	thêm bản vẽ Tổng mặt bằng hiện trạng dự án: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Về phương án kiến trúc: Các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của các hạng mục công trình. - Về phương án kết cấu chính: Các bản vẽ gia cố hoặc xử lý nền móng; Mặt bằng móng và chi tiết móng; Mặt bằng kết cấu, mặt cắt các kết cấu chính, kết cấu điển hình của các hạng mục công trình. - Các bản vẽ mặt bằng tổng thể các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án như: cấp điện; cấp và thoát nước, thoát nước thải; thông tin liên lạc (thể hiện rõ vị trí, hướng đầu nối từ tủ điện tổng, trạm bơm, khu xử lý nước thải đến từng các hạng mục công trình của dự án và đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp). * Lưu ý: - Quy cách của hồ sơ phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Đối với việc điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở thực hiện theo Điều 14 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ pháp lý + 02 bộ hồ sơ bản vẽ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc đối với dự án nhóm B, 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư xây dựng công trình thuộc dự án nhóm B và nhóm C sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư xây dựng các công trình có quy mô từ cấp II trở xuống thuộc đối tượng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở kèm theo hồ sơ thiết kế được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội đóng dấu xác nhận.
Phí, lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở (Theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về

	quản lý dự án đầu tư xây dựng).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Phải được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2013; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng)

TÊN TỔ CHỨC-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM-

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----

Số:

....., ngày tháng năm

**TỜ TRÌNH
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan

(Tên tổ chức) trình Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng: *(Tên dự án)* với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:

.....

2. Nhóm dự án:

.....

3. Loại và cấp công trình:

.....

4. Người quyết định đầu tư:

.....

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

.....

6. Địa điểm xây dựng:

.....

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

.....

8. Nguồn vốn đầu tư:

.....

9. Thời gian thực hiện:

.....

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

.....

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

.....

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng: (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Thủ tục 5: Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình thuộc Báo cáo kinh tế kỹ thuật

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Hồ sơ pháp lý: - Tờ trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (theo mẫu Phụ lục 04 để tham khảo); - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp trong nước) hoặc Bản photocopy Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); - Quyết định hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng (Bản sao có chứng thực) - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC và bản vẽ photocopy đã được đóng dấu thẩm duyệt về PCCC; - Bản sao có chứng thực các văn bản về môi trường của cơ quan quản lý nhà nước cấp; - Bản chính Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình (lập theo Điều 55 Luật Xây dựng số 50 năm 2014); - Các tài liệu khảo sát địa chất công trình kèm theo biên bản nghiệm thu kết quả khảo sát (Bản sao có đóng dấu của Chủ đầu tư); - Giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát địa chất công trình và chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế các bộ môn: kiến trúc, kết cấu, điện, nước và chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình (Bản sao có chứng thực). 2. Hồ sơ bản vẽ: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công của Báo cáo kinh tế kỹ thuật thi công phải thể hiện được những yêu cầu chính sau đây:

	- Sơ đồ vị trí lô đất trong khu công nghiệp; - Bản vẽ Tổng mặt bằng quy hoạch dự án: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Đối với trường hợp xây dựng mở rộng dự án thì phải bổ sung thêm bản vẽ Tổng mặt bằng hiện trạng dự án: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Về phương án kiến trúc: Các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của các hạng mục công trình. - Về phương án kết cấu chính: Các bản vẽ gia cố hoặc xử lý nền móng; Mặt bằng móng và chi tiết móng; Mặt bằng kết cấu, mặt cắt các kết cấu chính, kết cấu điển hình của các hạng mục công trình. - Các bản vẽ mặt bằng tổng thể các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án như: cấp điện; cấp và thoát nước, thoát nước thải; thông tin liên lạc (thể hiện rõ vị trí, hướng đầu nối từ tủ điện tổng, trạm bơm, khu xử lý nước thải đến từng các hạng mục công trình của dự án và đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp). * Lưu ý: - Quy cách của hồ sơ phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Đối với việc điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công thuộc Báo cáo KTKT theo quy định thì việc điều chỉnh phải được thẩm định theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ pháp lý + 02 bộ hồ sơ bản vẽ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư xây dựng các công trình chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn nhà nước ngoài ngân sách nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng và hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được đóng dấu đã thẩm định của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
Phí, lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình thuộc Báo cáo kinh tế kỹ thuật (Theo mẫu Phụ lục 04 để

	<i>tham khảo).</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Phải được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2013; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

TÊN TỔ CHỨC-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM-

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----

Số:

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH THUỘC BÁO CÁO KINH TẾ KỸ THUẬT.**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên

quan.....

(Tên tổ chức) trình Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình (Tên công trình) thuộc Báo cáo kinh tế kỹ thuật với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:

.....

2. Nhóm dự án:

.....

3. Các công trình thuộc dự án: Gồm (n) công trình

- Tên công trình:; Loại:; Cấp công trình:

- Tên công trình:; Loại:; Cấp công trình:

4. Người quyết định đầu tư:

.....

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

.....

6. Địa điểm xây dựng:

.....

7. Nội dung xây dựng và phương án thiết kế:

a) Mô tả về quy hoạch

b) Mô tả phương án công nghệ, kỹ thuật và thiết bị được lựa chọn (nếu có);

c) Mô tả giải pháp về kiến trúc, mặt bằng, mặt cắt, mặt đứng các công trình hoặc hạng mục công trình;

d) Mô tả về xây dựng, vật liệu chủ yếu được sử dụng, ước tính chi phí xây dựng công trình

e) Mô tả phương án kết cấu chính, hệ thống kỹ thuật, hạ tầng kỹ thuật chủ yếu của công trình, kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực, giải pháp phòng, chống cháy, nổ;

8. Nguồn vốn đầu tư:

9. Thời gian thực hiện:

.....

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Nhà thầu thực hiện khảo sát xây dựng:

13. Các thông tin khác (nếu có):

14. Nội dung đề nghị điều chỉnh thiết kế, dự toán (nếu có):

- Nội dung điều chỉnh (nêu rõ từng hạng mục xin điều chỉnh thiết kế):

- Lý do điều chỉnh:

- Tổng hợp khối lượng các hạng mục điều chỉnh thiết kế so với nội dung thiết kế đã được duyệt:

Hạng mục	Đơn vị tính	Đã được duyệt tại Quyết định số	Xin phê duyệt điều chỉnh	Tăng/giảm
1. Hạng mục:				

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình;
- Các giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất;
- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
- Văn bản thẩm duyệt về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng (được lập theo quy định tại Điều 55 của Luật Xây dựng 2014);

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán xây dựng công trình (Tên công trình) thuộc Báo cáo kinh tế kỹ thuật với các nội dung nêu trên./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Thủ tục 6: Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Hồ sơ pháp lý: - Tờ trình thẩm định thiết kế và dự toán (<i>theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng</i>); - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình (<i>Bản sao có chứng thực</i>); - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC và bản vẽ photocopy đã được đóng dấu thẩm duyệt về PCCC; - Bản sao có chứng thực các văn bản về môi trường của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, cụ thể: + Văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách); + Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với dự án sử dụng vốn khác); - Bản photocopy Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; - Bản chính Báo cáo tổng hợp của Chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng; - Thuyết minh thiết kế (lập theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng năm 2014); dự toán (đối với những công trình sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách); - Giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn thiết kế, khảo sát địa chất công trình và chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế các bộ

	môn: kiến trúc, kết cấu, điện, nước và chủ nhiệm khảo sát địa chất công trình (<i>Bản sao có chứng thực</i>). 2. Hồ sơ bản vẽ: Hồ sơ bản vẽ thiết kế kỹ thuật (trong trường hợp thiết kế 3 bước) hoặc hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (đối với những công trình thiết kế 2 bước) phải thể hiện được những yêu cầu chính sau đây: - Sơ đồ vị trí lô đất trong khu công nghiệp; - Bản vẽ Tổng mặt bằng quy hoạch dự án: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Đối với trường hợp xây dựng mở rộng dự án thì phải bổ sung thêm bản vẽ Tổng mặt bằng hiện trạng dự án: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Về phương án kiến trúc: Các bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt của các hạng mục công trình. - Về phương án kết cấu chính: Các bản vẽ gia cố hoặc xử lý nền - móng; Mặt bằng móng và chi tiết móng; Mặt bằng kết cấu, mặt cắt các kết cấu chính, kết cấu điển hình của các hạng mục công trình. - Các bản vẽ mặt bằng tổng thể các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án như: cấp điện; cấp và thoát nước, thoát nước thải; thông tin liên lạc (thể hiện rõ vị trí, hướng đầu nối từ tủ điện tổng, trạm bơm, khu xử lý nước thải đến từng các hạng mục công trình của dự án và đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp). * Lưu ý: - Quy cách của hồ sơ phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Trong trường hợp Chủ đầu tư đã nộp các giấy tờ như: Đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác ở giai đoạn trước sẽ không phải nộp ở giai đoạn này; - Đối với việc điều chỉnh thiết kế xây dựng theo quy định thì việc điều chỉnh thiết kế phải được thẩm định theo quy định tại Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014.
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ pháp lý + 02 bộ hồ sơ bản vẽ
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc đối với công trình cấp II, cấp III và 20 ngày làm việc đối với các công trình còn lại kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư xây dựng các công trình từ cấp II trở xuống sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư xây dựng các công trình từ cấp II trở xuống thuộc đối tượng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng, sử dụng nguồn vốn khác nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất

	và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Kết quả thẩm định thiết kế, dự toán và hồ sơ thiết kế được đóng dấu đã thẩm định của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
Phí, lệ phí	Không.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình (<i>Theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2013; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

(Ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ
về quản lý dự án đầu tư xây dựng)

TÊN TỔ CHỨC-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM-

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc -----

Số:

....., ngày ... tháng năm

TỜ TRÌNH
THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ DỰ TOÁN
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
thẩm định thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng
công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM:

1. Văn bản pháp lý:
 - Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
 - Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
 - Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
 - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
 - Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của thiết kế so với quy định của hợp đồng;
 - Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;
- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (*điều chỉnh*) bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng công trình (*điều chỉnh*) đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội thẩm định (*điều chỉnh*) thiết kế kỹ thuật (hoặc thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình..... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Thủ tục 7: Cấp Giấy phép xây dựng

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Hồ sơ pháp lý: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng (<i>theo mẫu Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng</i>); - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp trong nước) hoặc Bản photocopy Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); - Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; - Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC và bản vẽ photocopy đã được đóng dấu thẩm duyệt về PCCC; - Bản sao có chứng thực Văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; - Bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi (lập theo Điều 54 Luật Xây dựng số 50 năm 2014) hoặc Bản chính báo cáo KTKT xây dựng công trình (lập theo Điều 55 Luật Xây dựng số 50 năm 2014); - Bản sao Quyết định phê duyệt dự án và Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp thiết kế 2 bước và 3 bước hoặc Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế 1 bước; - Bản sao Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế;

	- Bản chính Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức thiết kế, cá nhân là chủ nhiệm, chủ trì thiết kế (<i>theo mẫu Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng</i>); - Giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra và chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế các bộ môn: kiến trúc, kết cấu, điện, nước (<i>Bản sao có chứng thực</i>). 2. Hồ sơ bản vẽ: Hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: - Sơ đồ vị trí lô đất trong khu công nghiệp; - Bản vẽ Tổng mặt bằng quy hoạch dự án tỷ lệ 1/100-1/500: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Đối với trường hợp xây dựng mở rộng dự án thì phải bổ sung thêm bản vẽ Tổng mặt bằng hiện trạng dự án: Thể hiện rõ các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất, quy mô các hạng mục công trình; - Các bản vẽ mặt bằng tỷ lệ 1/100-1/500; Mặt đứng, mặt cắt chính của các hạng mục công trình tỷ lệ 1/50-1/200. - Các bản vẽ gia cố hoặc xử lý nền - móng; Mặt bằng móng tỷ lệ 1/100-1/200 và chi tiết móng tỷ lệ 1/50; Mặt bằng kết cấu, mặt cắt các kết cấu chính, kết cấu điển hình của các hạng mục công trình. - Các bản vẽ mặt bằng tổng thể các hệ thống hạ tầng kỹ thuật của dự án tỷ lệ 1/50-1/200 như: cấp điện; cấp và thoát nước, thoát nước thải; thông tin liên lạc (thể hiện rõ vị trí, hướng dẫn nối từ tủ điện tổng, trạm bơm, khu xử lý nước thải đến từng các hạng mục công trình của dự án và đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu công nghiệp). * Lưu ý: - Quy cách của hồ sơ phải đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 46/2015/NĐ/CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Trong trường hợp Chủ đầu tư đã nộp các giấy tờ như: Đăng ký kinh doanh; Giấy chứng nhận đầu tư; Giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và các giấy tờ khác ở giai đoạn trước sẽ không phải nộp ở giai đoạn này.
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ pháp lý + 02 bộ hồ sơ bản vẽ.
Thời hạn giải quyết	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư xây dựng các công trình nằm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc diện phải cấp Giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014.
Cơ quan thực hiện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công

TTHC	nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép xây dựng và bản vẽ có đóng dấu xác nhận của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
Phí, lệ phí	150.000 đ/1 giấy phép (Thu theo Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.)
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng cho dự án/cho công trình thuộc dự án (theo mẫu Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	- Đối với các công trình cấp II, cấp III thuộc đối tượng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng sử dụng vốn khác có tổng mức đầu tư lớn hơn 15 tỷ đồng: Phải được cơ quan quản lý nhà nước thẩm định hồ sơ thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở. - Đối với các công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình (có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 15 tỷ đồng) sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách: Phải được cơ quan quản lý nhà nước thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình thuộc báo cáo kinh tế kỹ thuật. - Đối với các công trình cấp IV (diện tích $\leq 200m^2$; quy mô 01 tầng; kết cấu đơn giản như: Nhà để xe; Trạm điện; Phòng bơm;... phải được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận quy hoạch Tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2013; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp Giấy phép xây dựng; - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 24/6/2016 của UBND

	thành phố Hà Nội Ban hành quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/ Tự lập, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/ Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dờ công trình)

Signature Not Verified
21/10/2016 16:32 PM

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

3.1. Đối với công trình không theo tuyến:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Tổng chiều dài công trình: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình: m (ghi rõ cốt qua từng khu vực)
- Chiều cao tĩnh không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình: m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)

3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Chiều cao công trình: m

3.4. Đối với công trình quảng cáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng: m
- Chiều cao công trình: m
- Nội dung quảng cáo:

3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².
- Tổng diện tích sàn: m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².
- Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:

- Giai đoạn 1:
- + Loại công trình: Cấp công trình:
- + Diện tích xây dựng: m².
- + Cốt xây dựng: m

+ Chiều sâu công trình: m (tính từ cốt xây dựng)

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

+ Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).

+ Số tầng:(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn: m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).

- Cốt của công trình: m (qua các khu vực theo từng giai đoạn)

- Chiều cao tính không của tuyến: m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).

- Độ sâu công trình: m (ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)

3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

+ Đã được: phê duyệt, theo Quyết định số: ngày

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

+ Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình: Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².

- Tổng diện tích sàn: m².

- Chiều cao công trình: m².

- Địa điểm công trình di dời đến:

- Lô đất số: Diện tích m².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình: tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm các tài liệu:

..... ngày tháng năm
Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu

Thủ tục 8: Điều chỉnh Giấy phép xây dựng

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Hồ sơ pháp lý: - Đơn đề nghị cấp Điều chỉnh Giấy phép xây dựng <i>(Theo mẫu tại Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng)</i>; - Bản chính Giấy phép xây dựng do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Chủ đầu tư; - Bản sao có chứng thực Quyết định phê duyệt thiết kế điều chỉnh của Chủ đầu tư; - Bản photocopy Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh theo quy định; - Giấy đăng ký kinh doanh của tổ chức tư vấn thiết kế, thẩm tra; Chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế các bộ môn: kiến trúc, kết cấu, điện, nước. <i>(Bản sao có chứng thực)</i>. 2. Hồ sơ bản vẽ: Các bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh, tỷ lệ 1/50 - 1/200. * Lưu ý: - Đối với trường hợp đã xây dựng: Ban Quản lý sẽ tiến hành kiểm tra hiện trạng việc xây dựng và lập biên bản về việc Chủ đầu tư xây dựng đúng theo giấy phép xây dựng tại thời điểm xin điều chỉnh giấy phép xây dựng. - Đối với trường hợp xây dựng sai so với giấy phép xây dựng đã được cấp thì phải bị xử lý vi phạm theo quy định hiện hành trước khi đề nghị cấp Giấy phép xây dựng.

Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ pháp lý + 02 bộ hồ sơ bản vẽ.
Thời hạn giải quyết	20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân là Chủ đầu tư có nhu cầu điều chỉnh thiết kế xây dựng các công trình, nhà công vụ và nhà ở công nhân khác với Giấy phép xây dựng đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép xây dựng
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng (Phụ lục 17 ban hành kèm theo Thông tư số 10/2012/TT-BXD ngày 20/12/2012 của Bộ Xây dựng.)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; - Luật Phòng cháy chữa cháy năm 2013; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

	- Căn cứ Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho công trình)

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

1. Tên chủ đầu tư:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà: Đường Phường (xã)

Tỉnh, thành phố:

Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tích m².

- Tại: Đường:

- Phường (xã) Quận (huyện)

- Tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép :

-

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp:

-

-

5. Đơn vị hoặc người thiết kế điều chỉnh:

- Chứng chỉ hành nghề số: Cấp ngày:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Địa chỉ: Điện thoại:

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh: tháng.

7. Cam kết: tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm các tài liệu:

..... ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký ghi rõ họ tên)

Thủ tục 9: Gia hạn Giấy phép xây dựng

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Hồ sơ pháp lý: - Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do chưa khởi công xây dựng (<i>theo mẫu Phụ lục 05 để tham khảo</i>); - Bản chính Giấy phép xây dựng đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Chủ đầu tư.
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các Chủ đầu tư đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép xây dựng. Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa khởi công xây dựng, thì Chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép xây dựng
Phí, lệ phí	15.000 đồng/ 1 giấy phép (Thu theo Quyết định số 38/2014/QĐ-

	UBND ngày 20/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.)
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng <i>(Theo mẫu Phụ lục 05 để tham khảo)</i> .
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Trong thời hạn 30 ngày, trước thời điểm giấy phép xây dựng hết hạn, nếu công trình chưa khởi công xây dựng, thì Chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 20/8/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc thu lệ phí cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội. - Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Căn cứ Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên chủ đầu tư-

Người đại diện:.....Chức vụ:.....

- Địa chỉ

- Số điện thoại: Là Chủ đầu tư xây dựng công trình: tại: Khu công nghiệp

- Lô đất số:.....Diện tích:.....m².

được cấp Giấy phép xây dựng số: /GPXD ngày tháng năm do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp.

Lý do đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng:

.....

Bằng công văn này công ty đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội gia hạn Giấy phép xây dựng cho chúng tôi./.

Hà Nội, ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ tục 10: Cấp lại Giấy phép xây dựng

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC; Bước 2: Cán bộ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả. - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Hồ sơ nộp trực tiếp (hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính) đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Hồ sơ pháp lý: - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại; <i>(theo mẫu Phụ lục 06 để tham khảo)</i> - Bản chính Giấy phép xây dựng đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Chủ đầu tư (đối với trường hợp bị rách, nát).
Số lượng hồ sơ	01 bộ hồ sơ
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các Chủ đầu tư đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép xây dựng mà bị rách, nát hoặc bị mất.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quy hoạch xây dựng. - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép xây dựng
Phí, lệ phí	Không thu

Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng <i>(Theo mẫu Phụ lục 06 để tham khảo)</i> .
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Xây dựng số 50/2014-QH 13 của Quốc Hội; - Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ Quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 03/9/2015 Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; - Căn cứ Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND ngày 19/12/2013 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chi tiết một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên chủ đầu tư

- Người đại diện:.....Chức

vụ:.....

- Địa chỉ

- Số điện thoại:

Là Chủ đầu tư xây dựng công trình: tại: Khu công nghiệp

- Lô đất số:.....Diện

tích:.....m².

được cấp Giấy phép xây dựng số: /GPXD ngày tháng năm
do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp.

Lý do đề nghị cấp lại Giấy phép xây dựng:

Bằng công văn này công ty đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp và
chế xuất Hà Nội cấp lại Giấy phép xây dựng cho chúng tôi./.

Hà Nội, ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

III. LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG

Thủ tục 1: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu AANZ đã được khai hoàn chỉnh (trong trường hợp có nhiều mặt hàng và/hoặc nhiều thông tin không thể kê khai hết trên C/O thì kê khai tiếp trên mẫu khai bổ sung C/O tại phụ lục V-B của Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015); 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực. b) C/O Mẫu AANZ đã được khai hoàn chỉnh. 1.3 Hồ sơ đối với trường hợp có sự thay đổi địa điểm gồm: a) Bộ hồ sơ theo Khoản 1.1 ;

	b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu AANZ do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
	- Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 31/2015/TT-BCT ngày 24/9/2015 của Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thành lập khu vực thương mại tự do ASEAN-Úc-Niu di lân - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

	- Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi. - Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ Công thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi)

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:.....
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích) ☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu	☐ ☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước - Hợp đồng mua bán - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm - Các chứng từ khác.....
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ:	

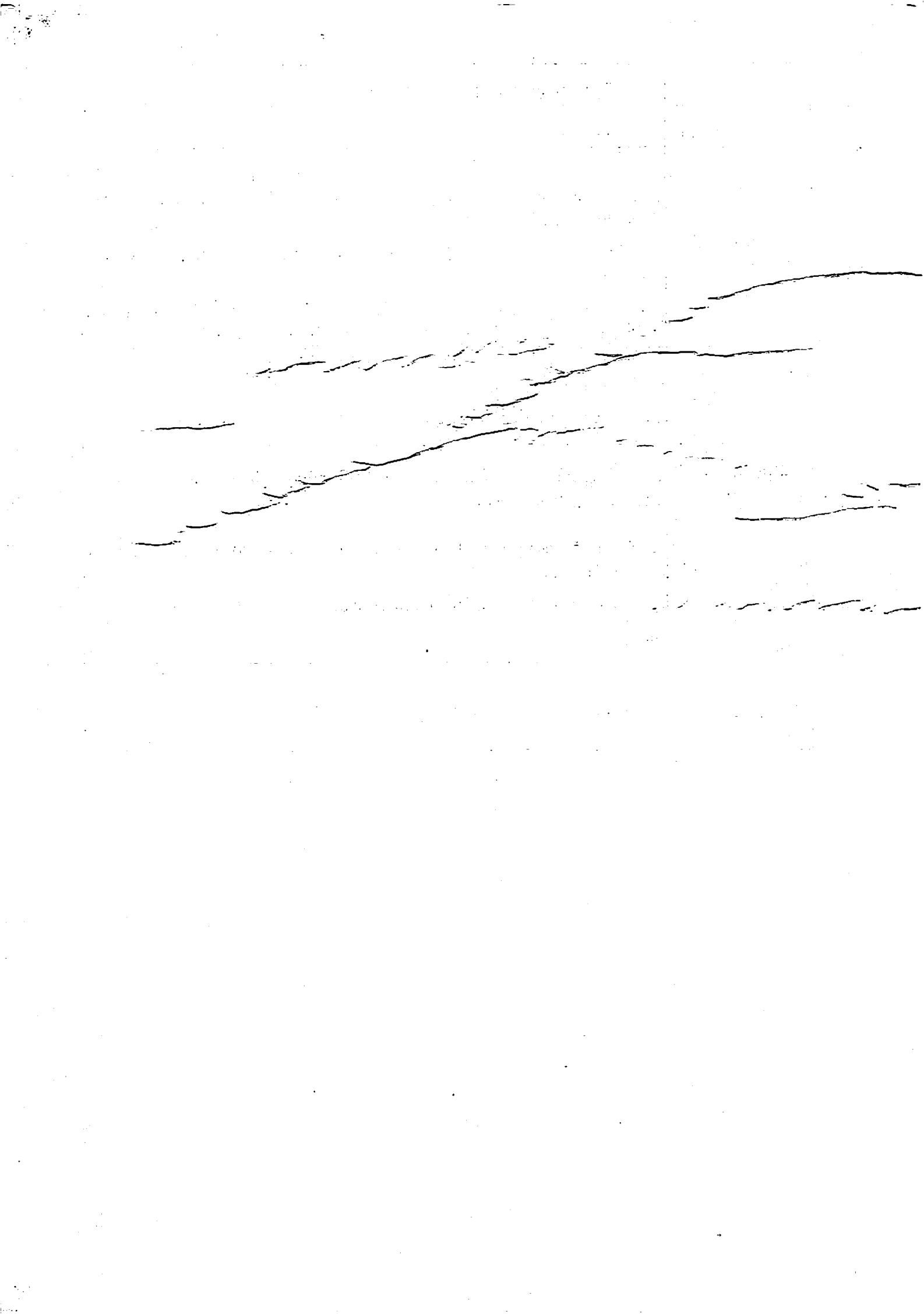
..				
- Điện thoại:, Fax:				
Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:, Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký:, ... - Người trả:, ... - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu “Issued retroactively” · Đóng dấu “Certified true copy”		18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm, (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên CO

Thủ tục2: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. <i>Ghi chú: Quy trình cấp do thay đổi địa điểm đến (Theo điều 17, phụ lục 4 Thông tư 15/2010/TT-BCT của Bộ Công thương Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ.) và cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng thực hiện theo trình tự tại thủ tục này.</i>
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; - Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu AI đã được khai hoàn chỉnh; 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực; b) Bản sao thứ tư của C/O. 1.3 Đối với trường hợp có sự thay đổi địa điểm: a) Bộ hồ sơ theo Khoản 1.1 điều này;

	b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan cổ thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 2. C/O Mẫu AI do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo



**Căn cứ pháp lý
của TTHC**

- Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005
- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP.
- Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa.
- Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT.
- Thông tư số 15/2010/TT-BCT của Bộ Công thương Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN-Ấn Độ.
- Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
- Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi.
- Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ Công thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi)

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:.....
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích) ☐ Cấp C/O ☐ C/O giáp lưng ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu ☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác..... ☐	5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ:

.....				
- Điện thoại:, Fax:				
Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:, Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký:, ... - Người trả:, ... - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu "Issued retroactively" · Đóng dấu "Certified true copy"		18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục 3: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. <i>Ghi chú: Quy trình cấp bản sao chứng thực của C/O gốc hoặc cấp C/O thay thế trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng thực hiện theo trình tự tại thủ tục này (Theo điều 5, phụ lục 6 Quyết định số 44/2008/QĐ-BCT ngày 08/12/2008).</i>
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu AJ đã được khai hoàn chỉnh; 1.2. Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực; b) CO mẫu AJ đã được khai hoàn chỉnh. 1.3. Hồ sơ đối với trường hợp C/O cần sửa đổi hoặc bị mất cấp, thất lạc gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O thay thế; b) CO mẫu AJ đã được khai hoàn chỉnh.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 2. C/O Mẫu AJ do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số:36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi. - Quyết định số 44/2008/QĐ-BCT ngày 08/12/2008 của Bộ Công Thương về việc Ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu AJ để hưởng các ưu theo hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN

	- Nhật Bản. - Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:.....
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích) ☐ Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu	☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐ ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác.....
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

- Địa chỉ:

.....
.....

- Điện thoại:, Fax:

Email:.....

8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn:, Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký:, ... - Người trả:, ... - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu “Issued retroactively” · Đóng dấu “Certified true copy”			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục4: cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. <i>Ghi chú: Quy trình cấp thay thế C/O bị lỗi (Mục 2, Điều 6, phụ lục 5 Thông tư 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014) và cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng (quy định tại Điều 8, Phụ lục 5, Thông tư 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014) thực hiện theo thủ tục cấp C/O mẫu AK này.</i>
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu AK đã được khai hoàn chỉnh. (Trong trường hợp có nhiều mặt hàng và/hoặc nhiều thông tin không thể kê khai hết trên C/O thì kê khai tiếp trên mẫu khai bổ sung C/O tại phụ lục VI-B của Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014; Riêng các nước thành viên ASEAN có thể lựa chọn sử dụng từ khai C/O bổ sung hoặc sử dụng một C/O mới). 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực; b) C/O Mẫu AK đã được khai hoàn chỉnh. 1.3 Hồ sơ đối với trường hợp cấp C/O thay thế gồm: a) Bộ hồ sơ theo Khoản 1.1; b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.

Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Thương nhân hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu AK do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số:36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 20/2014/TT-BCT ngày 25/6/2014 của Bộ Công Thương về việc quy định thực hiện quy tắc xuất xứ trong hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc. - Thông tư số 04/2015/TT-BCT ngày 16/3/2015 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi bổ sung quy tắc cụ thể mặt hàng ban hành kèm theo Thông tư số 20/2015/TT-BCT. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức

	năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi. - Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:..... ...
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích ☐ Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu ☐	☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác..... ☐ ☐ ☐ ☐
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

..... - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... ... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu "Issued retroactively" · Đóng dấu "Certified true copy"			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục5: cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. Ghi chú: Quy trình cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng hoặc cấp C/O mới thay thế C/O có lỗi thực hiện theo trình tự tại thủ tục này.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; - Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu D đã được khai hoàn chỉnh 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực. b) C/O Mẫu D đã được khai hoàn chỉnh 1.3 Hồ sơ đối với trường hợp cấp C/O mới thay thế C/O có lỗi: a) Bộ hồ sơ theo khoản 1.1; b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp

giải quyết	C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Thương nhân hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu D do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010 của Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định thương mại hàng hoá ASEAN. - Thông tư số 42/2014/TT-BCT ngày 17/5/2014 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2010/TT-BCT. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi.

	- Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:.....
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích) ☐ Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu	☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm - Các chứng từ khác.....
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

- Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu "Issued retroactively" · Đóng dấu "Certified true copy"		18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục 6: cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. Ghi chú: Quy trình cấp do thay đổi địa điểm đến (Theo mục 2, Điều 20, Phụ lục 2, Thông tư 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010) và cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cắp, thất lạc hoặc hư hỏng (quy định tại Điều 13, Phụ lục số 2, Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010) thực hiện theo thủ tục cấp C/O Mẫu E
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu E đã được khai hoàn chỉnh; 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực; b) C/O Mẫu E đã được khai hoàn chỉnh. 1.3 Hồ sơ đối với trường hợp có sự thay đổi địa điểm gồm: a) Bộ hồ sơ theo Khoản 1.1; b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt

	hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Thương nhân hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu E do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 36/2010/TT-BCT ngày 15/11/2010 của Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc Thủ tục cấp và kiểm tra xuất xứ sửa đổi và Quy tắc cụ thể mặt hàng theo hệ thống hài hòa phiên bản 2007 trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa thuộc Hiệp định Khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông nam á với nước cộng hòa nhân dân Trung Hoa. - Thông tư số 21/2014/TT-BCT ngày 08/12/2014 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 36/2010/TT-BCT. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày

	04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi. - Quyết định số 12/2007/QĐ-BTM ngày 31/5/2008 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc ban hành quy chế cấp C/O mẫu E. - Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:..... ...
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích ☐ C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành ☐ Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng)	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu	☐ ☐ ☐ ☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước - Hợp đồng mua bán - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm - Các chứng từ khác.....
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:, Fax: Địa chỉ: Điện thoại:, Email:	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:, Fax: Địa chỉ: Điện thoại:, Fax: Email:
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

..... - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... ... Ngày.....//.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu “Issued retroactively” · Đóng dấu “Certified true copy”			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục7: Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. <i>Ghi chú: Quy trình cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng (quy định tại Điều 11, Phụ lục số 4, Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25/01/2010) và cấp C/O mới thay thế cho C/O có lỗi (theo điều 9, Phụ lục số 4, Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25/01/2010) thực hiện theo thủ tục cấp C/O Mẫu S này.</i>
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu S đã được khai hoàn chỉnh; 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực. b) C/O Mẫu D đã được khai hoàn chỉnh 1.3 Hồ sơ đối với trường hợp cấp C/O mới thay thế C/O có lỗi: a) Bộ hồ sơ theo khoản 1.1 ; b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ

	cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu S do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 04/2010/TT-BCT ngày 25/01/2010 của Bộ Công Thương về việc Thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Bản Thỏa thuận giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Công Thương nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào về Quy tắc xuất xứ áp dụng cho các mặt hàng được hưởng ưu đãi thuế suất thuế nhập khẩu Việt Nam - Lào - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi.

	- Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet..

Phụ lục 3

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ Công thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi)

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:..... ...
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích	
☐ Cấp C/O	☐ C/O giáp lưng
☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng)	☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O:	
- Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐	- Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐
- Tờ khai hải quan ☐	- Hợp đồng mua bán ☐
- Hóa đơn thương mại ☐	- Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐
- Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐	- Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐
- Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐	- Các chứng từ khác.....
- Giấy phép xuất khẩu ☐	
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt).....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt).....
- Tên tiếng Anh:	- Tên tiếng Anh:
- Địa chỉ:	- Địa chỉ:
- Điện thoại:, Fax:	- Điện thoại:, Fax:
Email:.....	Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt).....	
- Tên tiếng Anh:	

..... - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... ... Ngày.....//.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu "Issued retroactively" · Đóng dấu "Certified true copy"			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục 8: cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. Ghi chú: Quy trình cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cắp, thất lạc hoặc hư hỏng thực hiện theo trình tự tại thủ tục này.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bru điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng có định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu VC đã được khai hoàn chỉnh (Trong trường hợp số lượng mặt hàng bị vượt quá khuôn khổ của một trang C/O, các mặt hàng bị vượt quá có thể được ghi tiếp lên các C/O khác nhưng số tham chiếu trên những C/O nối tiếp này phải giống với số tham chiếu của C/O ban đầu, phải được kê khai đầy đủ thông tin theo yêu cầu và phải được ký đóng dấu tương tự C/O ban đầu); 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực. b) C/O Mẫu VC đã được khai hoàn chỉnh 1.3 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực.

	b) C/O Mẫu VC đã được khai hoàn chỉnh
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu VC do Bộ Công Thương phát hành
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013 của Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê. - Thông tư số 05/2015/TT-BCT ngày 27/3/2015 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung mẫu giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ban hành kèm theo Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu

vực thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê.

- Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

- Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi.

- Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:..... ...
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích ☐ Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu ☐	☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác..... ☐ ☐ ☐ ☐
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

..... - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... ... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu "Issued retroactively" · Đóng dấu "Certified true copy"			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục 9: cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” Ban quản lý. <i>Ghi chú: Quy trình cấp bản sao chứng thực của C/O gốc hoặc cấp C/O thay thế trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng thực hiện theo trình tự tại thủ tục này (Theo điều 5, phụ lục 5 Thông tư số 10/2009/TT-BCT của Bộ Công Thương).</i>
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu VJ đã được khai hoàn chỉnh; 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực; b) CO mẫu VJ đã được khai hoàn chỉnh. 1.3. Hồ sơ đối với trường hợp C/O cần sửa đổi hoặc bị mất cấp, thất lạc gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O thay thế; b) CO mẫu VJ đã được khai hoàn chỉnh.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ

	sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu VJ do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số:36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 10/2009/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Nhật Bản về Đối tác Kinh tế. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi. - Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:..... ...
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích ☐ Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu ☐	☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác..... ☐ ☐ ☐ ☐
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

..... - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... ... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu "Issued retroactively" · Đóng dấu "Certified true copy"			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục 10: cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” Ban quản lý. Ghi chú: Quy trình cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cấp, thất lạc, hư hỏng (quy định tại mục 6, Điều 1, Phụ lục IV, Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương) hoặc cấp thay thế C/O bị lỗi (quy định tại điểm b, mục 7, Điều 1, Phụ lục IV, Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương) thực hiện theo thủ tục cấp C/O Mẫu VK này.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu VK đã được khai hoàn chỉnh (trong trường hợp có nhiều mặt hàng và/hoặc nhiều thông tin không thể kê khai hết trên C/O, các nước thành viên có thể sử dụng Tờ khai bổ sung C/O phù hợp với mẫu quy định tại Phụ lục VII của Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương); 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực; b) C/O Mẫu VK đã được khai hoàn chỉnh. 1.3 Hồ sơ đối với trường hợp có sự thay đổi địa điểm gồm: a) Bộ hồ sơ theo Khoản 1.1;

	b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu VK do Bộ Công Thương phát hành (Phụ lục 5 kèm theo Thông tư số 40/2015/TT-BCT).
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/ Thông báo
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số:36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc.

	- Thông tư số 48/2015/TT-BCT ngày 14/12/2015 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 40/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ Công Thương . - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi. - Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ Công thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi)

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:..... ...
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích) ☐ Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, thất lạc hoặc hư hỏng) ☐ C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước thứ ba phát hành	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu ☐	☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước ☐ - Hợp đồng mua bán ☐ - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực ☐ - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm ☐ - Các chứng từ khác..... ☐ ☐ ☐ ☐
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

..... - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... ... Ngày...../... .../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu "Issued retroactively" · Đóng dấu "Certified true copy"		18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)		

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O

Thủ tục 11: cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu X

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp khai báo hồ sơ thương nhân điện tử trên eCoSys. Bước 2: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu theo biểu mẫu trên eCoSys và đính kèm các chứng từ theo quy định (hóa đơn thương mại, tờ khai xuất khẩu, chứng từ vận tải, bản chứng minh tiêu chí xuất xứ). Bước 3: Ban quản lý duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet của thương nhân không phù hợp với quy định hiện hành, Ban quản lý nêu rõ lý do không chấp thuận và thông báo để thương nhân sửa đổi bổ sung. Bước 4: Sau khi nhận được thông báo phê duyệt hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet Doanh nghiệp nộp hồ sơ đề nghị cấp C/O tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 5: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý cấp C/O và cấp phép trên hệ thống eCoSys. Bước 6: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” Ban quản lý. Ghi chú: Quy trình cấp bản sao chứng thực của C/O gốc trong trường hợp bị mất cắp, thất lạc, hư hỏng hoặc cấp C/O mới thay thế C/O có lỗi thực hiện theo trình tự tại thủ tục này.
Cách thức thực hiện	- Trực tiếp tại Ban Quản lý (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội); - Bưu điện; Internet.
Hồ sơ	1. Hồ sơ đề nghị cấp C/O: 1.1. Đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu những mặt hàng cố định và trước đó đã nộp bộ hồ sơ chi tiết, hồ sơ đề nghị cấp C/O bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O được kê khai hoàn chỉnh và hợp lệ theo mẫu; b) C/O Mẫu X đã được khai hoàn chỉnh 1.2 Đối với trường hợp đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực của C/O gốc, hồ sơ bao gồm: a) Đơn đề nghị cấp C/O bản sao chứng thực. b) C/O Mẫu X đã được khai hoàn chỉnh 1.3 Hồ sơ đối với trường hợp cấp C/O mới thay thế C/O có lỗi gồm: a) Bộ hồ sơ theo khoản 1.1; b) C/O gốc đã cấp cho lô hàng đó.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.

Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 6 giờ làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị cấp C/O qua Internet, Ban quản lý thông báo trên hệ thống kết quả xét duyệt hồ sơ cho doanh nghiệp. - Trong 2 giờ làm việc kể từ thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ tại Ban Quản lý; - Đối với trường hợp thương nhân nộp hồ sơ qua bưu điện, thời gian cấp C/O là 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận ghi trên bì thư.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý b) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doang nghiệp hoạt động trong các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	1. Mẫu đơn đề nghị cấp CO Phụ lục III Thông tư số 06/2011/TT-BCT 2. C/O Mẫu X do Bộ Công Thương phát hành.
Phí, lệ phí	Không
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa/Thông báo.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thương mại số: 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế, Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP. - Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa. - Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21/3/2011 của Bộ Công Thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi và Thông tư số 01/2013/TT-BCT ngày 03/01/2013 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư 06/2011/TT-BCT. - Thông tư số 21/2010/TT-BCT ngày 17/5/2010 của Bộ Công thương thực hiện Quy tắc xuất xứ trong hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN. - Thông tư số 17/2011/TT-BCT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Công Thương về việc thực hiện quy tắc xuất xứ trong bản thỏa thuận về việc thúc đẩy quan hệ song phương giữa Bộ Công Thương nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Bộ Thương mại Vương quốc Campuchia áp dụng cho những mặt hàng có xuất xứ từ một bên ký kết được hưởng ưu đãi thuế quan khi nhập khẩu trực tiếp vào lãnh thổ của bên kia

	- Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 quy định chức năng nhiệm vụ của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Quyết định số 9416/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 04/9/2015 về việc ủy quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi. - Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 15/6/2016 của Bộ Công Thương ban hành Quy trình cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi qua Internet.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2011/TT-BCT ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Bộ Công thương quy định thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi)

1. Mã số thuế của doanh nghiệp.....	Số C/O:..... ...
2. Kính gửi: (Tổ chức cấp C/O).....	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP C/O Mẫu..... Đã đăng ký Hồ sơ thương nhân tại vào ngày.....
3. Hình thức cấp (đánh (Ö) vào ô thích	C/O giáp lưng ☐ C/O có hóa đơn do nước ☐ thứ ba phát hành
Cấp C/O ☐ Cấp lại C/O (do mất cấp, ☐ thất lạc hoặc hư hỏng)	
4. Bộ hồ sơ đề nghị cấp C/O: - Mẫu C/O đã khai hoàn chỉnh ☐ - Tờ khai hải quan ☐ - Hóa đơn thương mại ☐ - Vận tải đơn/chứng từ tương đương ☐ - Tờ khai hải quan nhập khẩu nguyên liệu ☐ - Giấy phép xuất khẩu ☐	☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ - Hóa đơn mua bán nguyên liệu trong nước - Hợp đồng mua bán - Bảng tính toán hàm lượng giá trị khu vực - Bản mô tả quy trình sản xuất ra sản phẩm - Các chứng từ khác.....
5. Người xuất khẩu (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....	6. Người sản xuất (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh: - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....
7. Người nhập khẩu/Người mua (tên tiếng Việt)..... - Tên tiếng Anh:	

..... - Địa chỉ: - Điện thoại:, Fax: Email:.....				
8. Mã HS (8 số)	9. Mô tả hàng hóa (tiếng Việt và tiếng Anh)	10. Tiêu chí xuất xứ và các yếu tố khác	11. Số lượng	12. Trị giá FOB (USD)*
		(Ghi như hướng dẫn tại mặt sau của C/O)		
13. Số Invoice:..... ... Ngày...../...../.....	14. Nước nhập khẩu:	15. Số vận đơn: Ngày...../...../.....	16. Số và ngày Tờ khai Hải quan xuất khẩu và những khai báo khác (nếu có):	
17. Ghi chú của Tổ chức cấp C/O: - Người kiểm tra:..... - Người ký: - Người trả: - Đề nghị đóng: · Đóng dấu (đồng ý cấp) · Đóng dấu “Issued retroactively” · Đóng dấu “Certified true copy”			18. Doanh nghiệp chúng tôi xin cam đoan lô hàng nói trên được khai báo chính xác, đúng sự thực và phù hợp với các quy định về xuất xứ hàng hóa hiện hành. Chúng tôi xin chịu mọi trách nhiệm về lời khai trước pháp luật. Làm tại..... ngày tháng năm (Ký tên, ghi rõ chức vụ và đóng dấu)	

* Trong trường hợp trị giá ghi trên hợp đồng xuất khẩu không tính bằng USD, doanh nghiệp phải quy đổi trị giá đó sang USD khi khai trên Đơn này. Việc khai trên Đơn này không ảnh hưởng đến việc ghi trị giá của hợp đồng trên C/O.

Thủ tục 12: Cấp Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ . Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (theo mẫu MĐ-1, Thông tư 08/2013/TT-BCT); - Hồ sơ thẩm tra điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; - Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư 08/2013/TT-BCT; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện mục tiêu hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; - Chứng từ của cơ quan thuế về thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm liền kề. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do. - Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư . 2. Số lượng hồ sơ: 03 bộ (trong đó 01 bộ gốc).
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 33 ngày làm việc (Bao gồm 15 ngày lấy ý kiến Bộ Công Thương), Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh hoặc thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) trả cho doanh nghiệp.

Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh. (Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Là nhà đầu tư thuộc các nước, vùng lãnh thổ tham gia Điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và trong Điều ước quốc tế đó Việt Nam có cam kết mở cửa thị trường về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa; Hình thức đầu tư phù hợp với lộ trình đã cam kết trong các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và phù hợp với pháp luật Việt Nam; Hàng hoá, dịch vụ kinh doanh phù hợp với cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam và phù hợp với pháp luật Việt Nam; Phạm vi hoạt động phù hợp với cam kết mở cửa thị trường của Việt Nam và phù hợp với pháp luật Việt Nam; Được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 5 Nghị định 23/2007/NĐ-CP chấp thuận.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên

	quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp (*viết bằng chữ in hoa*):.....
Giấy chứng nhận đầu tư số.....do.....cấp ngày..... tháng.....năm.....
Địa chỉ trụ sở chính: (*ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố*).....
Điện thoại:.....Fax:.....Email: Website (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên:..... Nam/Nữ:.....Quốc tịch:.....

Chức danh:.....

Đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá với nội dung sau:

I. Hoạt động mua bán hàng hoá:.....

II. Hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá:.....

III. Lập cơ sở bán lẻ thứ nhất (số 1) (nếu không lập cơ sở bán lẻ thì ghi: không lập cơ sở bán lẻ)

1. Tên cơ sở bán lẻ:.....

2. Địa chỉ: (*ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố*).....

3. Người đứng đầu cơ sở bán lẻ:

Họ và tên..... Nam/Nữ..... Quốc tịch.....

Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số..... do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú/tạm trú.....

Chỗ ở hiện nay:.....

4. Quy mô của cơ sở bán lẻ:

- Diện tích đất:

- Tổng diện tích sàn xây dựng:.....

- Diện tích kinh doanh mua bán hàng hoá:.....

5. Nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ:

Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh này.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 13: Cấp lại Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “một cửa”, nhận phiếu hẹn có ghi ngày trả kết quả; Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho Doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ; Bước 3: Công chức phòng chuyên môn- Ban Quản lý thụ lý trình Lãnh đạo ký Giấy phép kinh doanh hoặc ra thông báo bằng văn bản về nội dung cần bổ sung đối với những hồ sơ chưa đủ điều kiện . Bước 4: Lãnh đạo Ban Quản lý cấp Giấy phép kinh doanh hoặc ký thông báo gửi doanh nghiệp. Bước 5: Công chức Ban Quản lý đóng dấu, vào sổ và trả giấy phép hoặc thông báo (kèm theo hồ sơ trong trường hợp không đủ điều kiện cấp) cho doanh nghiệp.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a)Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh (theo mẫu MĐ-3); - Phần bản gốc còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép kinh doanh trong trường hợp bị rách, nát, bị cháy hoặc bị thiêu hủy một phần nếu có; hoặc - Xác nhận của cơ quan công an về việc khai báo mất Giấy phép kinh doanh; hoặc - Bản giải trình lý do có cam kết của doanh nghiệp trong trường hợp bị rách, nát, cháy hoặc tiêu hủy toàn bộ. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, Ban Quản cấp Giấy phép kinh doanh hoặc thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) cho doanh nghiệp.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.

Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh (<i>Mẫu MĐ-3 Thông tư 08/2007/TT-BTM ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương Hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Trường hợp bị mất Giấy phép kinh doanh, doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan công an nơi mất giấy phép, cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng ba lần liên tiếp. Sau 30 ngày, kể từ ngày thông báo lần thứ nhất, doanh nghiệp có công văn đề nghị cơ quan cấp Giấy phép kinh doanh cấp lại Giấy phép.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP KINH DOANH SỐ.../ GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ....**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp (*viết bằng chữ in hoa*):.....

Giấy chứng nhận đầu tư.....do.....cấp ngày.....tháng.....năm

Giấy phép kinh doanh/ Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số:.....do.....cấp ngày....
tháng..... năm..

Địa chỉ trụ sở chính: (*ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố*).....

Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....Website (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên:.....Nam/Nữ:.....Quốc tịch:.....

Chức danh:.....

Đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số với lý do sau:

1.....

2.....

Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh/ Giấy phép lập cơ sở bán lẻ này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 14: Cấp bổ sung nội dung hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa trong Giấy phép kinh doanh cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh theo Mẫu MĐ-2 ban hành kèm theo Thông tư này; - Bản giải trình việc đáp ứng các điều kiện thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo Mẫu MĐ-6 ban hành kèm theo Thông tư này; - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện nội dung bổ sung; - Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá đã được cấp phép theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư này; - Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liên tiếp. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do; - Giấy phép kinh doanh đã được cấp (bản chính). b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 28 ngày làm việc (Bao gồm 15 ngày lấy ý kiến Bộ Công Thương), Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy

	phép kinh doanh hoặc ra thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) trả cho doanh nghiệp
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh theo Mẫu MĐ-2, Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

	- Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Thông tư số 06/2015/TTLT-BNV-BKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP KINH DOANH SỐ...

(thay đổi lần thứ.....)

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên doanh nghiệp *(viết bằng chữ in hoa)*:.....
Giấy chứng nhận đầu tư số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....
Giấy phép kinh doanh số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm
Địa chỉ trụ sở chính: *(ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố)*.... Điện thoại:.....Fax:.....Email: Website (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên:.....Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chức danh

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá với nội dung sau:

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

.....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung:

.....

3. Nội dung đề nghị được cấp phép sau khi sửa đổi, bổ sung:

.....

Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh./.

....., ngày..... tháng..... ăm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 15: Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Hồ sơ thẩm tra cấp hoặc điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; b) Hồ sơ cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, bao gồm: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ thực hiện theo Mẫu MĐ-4 ban hành kèm theo Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013; - Bản giải trình việc đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 7 Thông tư này 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013; - Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua kết quả làm việc của Hội đồng kiểm tra nhu cầu kinh tế theo quy định tại Điều 7 Thông tư này. - Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013; - Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liên kế. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do. - Bản sao Giấy phép kinh doanh. b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 33 ngày làm việc (Bao gồm 15 ngày lấy ý kiến Bộ Công

	Thương), Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh hoặc ra thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) trả cho doanh nghiệp.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (<i>Mẫu MĐ-4 Thông tư 08/2007/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương.</i>)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Việc lập cơ sở bán lẻ, bao gồm cả cơ sở bán lẻ thứ nhất, phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với hoạt động bán lẻ và phù hợp với quy hoạch có liên quan của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi dự kiến lập cơ sở bán lẻ. Việc lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được xem xét từng trường hợp cụ thể căn cứ vào việc kiểm tra nhu cầu kinh tế của địa bàn nơi đặt cơ sở bán lẻ theo các tiêu chí: số lượng các cơ sở bán lẻ, sự ổn định của thị trường, mật độ dân cư và quy mô của địa bàn cấp quận, huyện nơi dự kiến đặt cơ sở bán lẻ.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

	- Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Thông tư số 06/2015/TTLT-BNV-BKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp (*viết bằng chữ in hoa*):.....

Giấy chứng nhận đầu tư số.....do.....cấp ngày..... tháng.....năm.....

Giấy phép kinh doanh (nếu có) số.....do..... cấp ngày..... tháng... năm ...

Địa chỉ trụ sở chính: (*ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố*)

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Họ và tên:.....Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm

3. Cơ sở bán lẻ đã được thành lập trên phạm vi toàn quốc: (*liệt kê nội dung của từng cơ sở bán lẻ lần lượt theo thứ tự thời gian: số thứ tự cơ sở bán lẻ; số Giấy phép, ngày tháng năm cấp phép; địa chỉ; diện tích đất, tổng diện tích mặt bằng, diện tích kinh doanh mua bán hàng hoá*).

Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số với nội dung sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

2. Địa chỉ: (*ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố*)

3. Người đứng đầu cơ sở bán lẻ:

Họ và tên Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày..... tháng.... năm.....

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú/tạm trú:.....

Chỗ ở hiện nay:.....

4. Số thứ tự của cơ sở bán lẻ đề nghị được thành lập:... (*là số thứ tự liên kế với số thứ tự của cơ sở bán lẻ đã được cấp phép thành lập ngay trước đó, tính trên phạm vi toàn quốc*).

5. Quy mô của cơ sở bán lẻ:

- Diện tích đất:.....

- Tổng diện tích sàn xây dựng.....

- Diện tích kinh doanh mua bán hàng hoá:.....

6. Nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ:.....

Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 16: Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho Doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ . Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng -CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (theo mẫu MĐ-3) ; - Phần bản gốc còn lại có thể nhận dạng được của Giấy phép kinh doanh trong trường hợp bị rách, nát, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ một phần; hoặc - Xác nhận của cơ quan công an về việc khai báo mất Giấy phép kinh doanh, hoặc - Bản giải trình lý do có cam kết của doanh nghiệp trong trường hợp bị rách, nát, cháy hoặc tiêu huỷ toàn bộ. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 7 ngày làm việc, Ban Quản cấp Giấy phép kinh doanh hoặc ra thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) cho doanh nghiệp..
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (<i>Mẫu MĐ-3 Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương.</i>)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ trong trường hợp bị mất, bị rách, bị nát, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Thông tư số 06/2015/TTLT-BNV-BKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY PHÉP KINH DOANH SỐ.../ GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ....

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):.....

Giấy chứng nhận đầu tư.....do.....cấp ngày.....tháng.....năm

Giấy phép kinh doanh/ Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số:.....do.....cấp ngày....
tháng..... năm..

Địa chỉ trụ sở chính: (ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/
tỉnh, thành phố)

Điện thoại:.....Fax:..... Email:.....Website (nếu có):.....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên:.....Nam/Nữ:.....Quốc tịch:.....

Chức danh

Đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số với lý do sau:

1.....

2.....

Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh/ Giấy phép lập cơ sở bán lẻ này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh/Giấy phép lập cơ sở bán lẻ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục số 17: Cấp sửa đổi quy mô, bổ sung nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ tại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho Doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 4: Doanh Nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo mẫu MĐ-5 kèm theo Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013; - Tài liệu liên quan đến sửa đổi quy mô của cơ sở bán lẻ trong trường hợp sửa đổi quy mô cơ sở bán lẻ (trong trường hợp sửa đổi quy mô); - Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua kết quả làm việc của Hội đồng Kiểm tra nhu cầu kinh tế trong trường hợp doanh nghiệp điều chỉnh tăng quy mô của cơ sở bán lẻ tới mức phải thực hiện quy định về kiểm tra nhu cầu kinh tế theo quy định tại Điều 7 Thông tư 08/2013/TT-BCT (trong trường hợp sửa đổi quy mô cơ sở bán lẻ); - Tài liệu chứng minh năng lực tài chính và kinh nghiệm của chủ đầu tư trong việc thực hiện chi tiết nội dung bổ sung trong trường hợp bổ sung nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ (trong trường hợp bổ sung nội dung hoạt động); - Báo cáo tình hình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá theo mẫu BC-3 ban hành kèm theo Thông tư 08/2013/TT-BCT; - Chứng từ của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm liên tiếp. Trường hợp không có hoặc thiếu chứng từ, doanh nghiệp giải trình bằng văn bản nêu rõ lý do; - Giấy phép lập cơ sở bán lẻ đã cấp (bản chính). b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ), trong đó có 01 bộ gốc.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

	Trong thời hạn 33 ngày làm việc (Bao gồm 15 ngày lấy ý kiến Bộ Công Thương), Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh hoặc ra thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) trả cho doanh nghiệp
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (<i>Mẫu MĐ-2 Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương.</i>)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định thay đổi một trong những nội dung quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 15 nghị định 23/2007/NĐ-CP, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

	- Thông tư số 06/2015/TTLT-BNV-BKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...
(thay đổi lần thứ...)

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp (*viết bằng chữ in hoa*):.....

Giấy chứng nhận đầu tư.....do.....cấp ngày..... tháng.... năm.....

Giấy phép kinh doanh số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính: (*ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố*).....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên:.....Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chức danh:.....

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số với nội dung sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:

.....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung:

.....

3. Nội dung đề nghị được cấp phép sau khi sửa đổi, bổ sung:

.....

.Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 18: Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất đã được thành lập cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp nhưng chưa được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại nghị định số 23/2007/NĐ-CP cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho Doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ . Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến các cơ quan nhà nước có liên quan. Bước 4: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng -CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	A) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (theo mẫu); - Báo cáo tình hình hoạt động, tình hình đầu tư của cơ sở bán lẻ đề nghị thành được cấp phép lập cơ sở bán lẻ; b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến của Bộ Công Thương. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Trong thời hạn 33 ngày làm việc (Bao gồm 15 ngày lấy ý kiến Bộ Công Thương), Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép kinh doanh hoặc ra thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) trả cho doanh nghiệp
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.

Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ (<i>Mẫu MĐ-4 Thông tư 08/2013/TT-BTM ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương về việc Hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Cơ sở bán lẻ cho cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất đã được thành lập theo quy định của pháp luật nhưng chưa được cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo quy định tại Nghị định số 23/2007/NĐ-CP
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ

Kính gửi: (Cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên doanh nghiệp (viết bằng chữ in hoa):.....

Giấy chứng nhận đầu tư số.....do.....cấp ngày.... tháng.....năm.....

Giấy phép kinh doanh (nếu có) số.....do..... cấp ngày.... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính: (ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố)

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Họ và tên:.....Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số.....do.....cấp ngày.... tháng..... năm...

. Cơ sở bán lẻ đã được thành lập trên phạm vi toàn quốc: (liệt kê nội dung của từng cơ sở bán lẻ lần lượt theo thứ tự thời gian: số thứ tự cơ sở bán lẻ; số Giấy phép, ngày tháng năm cấp phép; địa chỉ; diện tích đất, tổng diện tích mặt bằng, diện tích kinh doanh mua bán hàng hoá).

Đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số với nội dung sau:

1. Tên cơ sở bán lẻ (ghi bằng chữ in hoa).....

2. Địa chỉ: (ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố).....

3. Người đứng đầu cơ sở bán lẻ:

Họ và tên Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chứng minh nhân dân/ Hộ chiếu số.....do....cấp ngày.... tháng.... năm.....

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú/tạm trú:.....

Chỗ ở hiện nay:..... 4.

Số thứ tự của cơ sở bán lẻ đề nghị được thành lập:... (là số thứ tự liền kề với số thứ tự của cơ sở bán lẻ đã được cấp phép thành lập ngay trước đó, tính trên phạm vi toàn quốc).

5. Quy mô của cơ sở bán lẻ:

- Diện tích đất:.....
- Tổng diện tích sàn xây dựng.....
- Diện tích kinh doanh mua bán hàng hoá:.....
- 6. Nội dung hoạt động của cơ sở bán lẻ:.....

Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ này.
2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 19: Cấp sửa đổi thông tin Giấy phép lập cơ sở bán lẻ, thông tin đăng ký Giấy phép kinh doanh thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho Doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ. Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: - Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh/ Giấy phép lập cơ sở bán lẻ theo mẫu; - Các tài liệu liên quan đến nội dung sửa đổi; - Giấy phép kinh doanh đã được cấp (bản chính). b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, Ban Quản cấp Giấy phép kinh doanh hoặc ra thông báo bổ sung hồ sơ, thông báo lý do không cấp phép (kèm theo hồ sơ gốc) cho doanh nghiệp.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):

Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị sửa đổi thông tin Giấy phép kinh doanh : Mẫu MĐ-2 Thông tư 08/2007/TT-BTM ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương. - Đơn đề nghị cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ :Mẫu MĐ-5 Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công thương.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Doanh nghiệp thay đổi thông tin trên Giấy phép kinh doanh.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hoá. - Thông tư 08/2013/TT-BCT ngày 22/4/2013 của Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. - Thông tư số 06/2015/TTLT-BNV-BKHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP KINH DOANH SỐ...

(thay đổi lần thứ.....)

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp *(viết bằng chữ in hoa)*:.....

Giấy chứng nhận đầu tư số.....do..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép kinh doanh số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm

Địa chỉ trụ sở chính: *(ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố)*.... Điện thoại:....Fax:.....Email: Website (nếu có):

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên:.....Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chức danh:.....

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh hoạt động mua bán hàng hoá và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hoá với nội dung sau:

1. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

.....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung:

.....

3. Nội dung đề nghị được cấp phép sau khi sửa đổi, bổ sung:

.....

Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép kinh doanh./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP LẬP CƠ SỞ BÁN LẺ SỐ...
(thay đổi lần thứ...)

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp (*viết bằng chữ in hoa*):.....

Giấy chứng nhận đầu tư.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Giấy phép kinh doanh số.....do.....cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ trụ sở chính: (*ghi đầy đủ số nhà/ đường, phố/ xã, phường/ quận, huyện/ tỉnh, thành phố*).....

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

Họ và tên:.....Nam/Nữ.....Quốc tịch.....

Chức danh:.....

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ số với nội dung sau:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung:.....

2. Lý do sửa đổi, bổ sung:

.....

3. Nội dung đề nghị được cấp phép sau khi sửa đổi, bổ sung:

.....

.Doanh nghiệp cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép lập cơ sở bán lẻ này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Giấy phép lập cơ sở bán lẻ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Thủ tục 20: Cấp mới Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định tại bộ phận “Một cửa”. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa”.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá; theo Mẫu Phụ lục 21; 2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; 3. Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh. 4. Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có: - Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá; - Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm); - Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá 5. Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp: - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 03 năm trước đó, kèm theo bảng kê chi tiết danh sách và bản sao hợp lệ các hợp đồng mua bán với mỗi Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm thuốc lá hoặc doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá khác, các khoản thuế đã nộp; - Hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống phân phối. 6. Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn;

	7. Hồ sơ về phương tiện vận tải, bao gồm: Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận tải (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); 8. Hồ sơ về năng lực tài chính: Có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống phân phối của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng); 9. Hồ sơ về kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng), bao gồm: - Tài liệu chứng minh quyền sử dụng kho (là sở hữu, đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn của doanh nghiệp hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm); - Bản tự cam kết của doanh nghiệp về bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật đối với kho hàng theo mẫu Phụ lục 25
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	- 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ. Trong trường hợp DN không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ban Quản lý ra văn bản thông báo đối với hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép. - Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép/Thông báo
Phí, lệ phí	- Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả; - Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định. - Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. - Bản cam kết về đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện PCCC, bảo vệ môi trường.
Yêu cầu,	Không có.

điều kiện thực hiện TTHC	
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 sửa đổi bổ sung 1 số điều của Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm.....,
đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

- Tên:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xem xét cấp Giấy
phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, cụ thể:

6. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và
của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

- Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn thành phố Hà Nội

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

....(tên thương nhân)...xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số
67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ, Thông tư số 21/2013/TT-
BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của
Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi

tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Thương nhân
(*Họ và Tên, ký tên, đóng dấu*)

Tên thương nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

**BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC YÊU CẦU ĐIỀU
KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân :.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm.....,
đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu
điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc
khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Thủ tục 21: Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong Khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định tại bộ phận “Một cửa”. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa”.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá; theo Mẫu Phụ lục 23; - Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; - Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá; - Hồ sơ về địa điểm kinh doanh, gồm có: - Địa chỉ, diện tích và mô tả khu vực kinh doanh thuốc lá; - Bản sao tài liệu chứng minh quyền sử dụng địa điểm kinh doanh (là sở hữu hoặc đồng sở hữu hoặc thuê sử dụng với thời gian tối thiểu là 01 năm); - Bảng kê thiết bị kiểm tra và điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm trong khu vực kinh doanh thuốc lá.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ. Trong trường hợp DN không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ban Quản lý ra văn bản thông báo đối với hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép. - Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, Ban Quản lý có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung.
Đối tượng	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc TP Hà Nội.

thực hiện TTHC	
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép/Thông báo
Phí, lệ phí	- Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả - Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định. - Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. - Bản cam kết về đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện PCCC, bảo vệ môi trường.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 sửa đổi bổ sung 1 số điều của Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

CẤP GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất(1) xem xét cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, cụ thể như sau:

6. Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

7. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm:

.....(3)

.....(ghi rõ tên thương nhân).....xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Tên thương nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

**BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC
YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY,
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân :.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm.....,
đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Thương nhân
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Thủ tục 22: Cấp lại Giấy phép bán buôn, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định tại bộ phận “Một cửa”. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa”.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: Trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. Hồ sơ trình tự, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới. 2. Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: * Doanh nghiệp lập bộ hồ sơ đề nghị cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy bao gồm: - Đơn đề nghị cấp lại (Giấy phép bán buôn theo Mẫu Phụ lục 54; Giấy phép bán lẻ theo Mẫu Phụ lục 56); - Bản sao Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có); * Thời hạn của giấy phép sẽ giữ nguyên như giấy phép cũ (đối với trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy).
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	15 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ. Trong trường hợp DN không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ban Quản lý ra văn bản thông báo đối với hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép.

Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép/Thông báo
Phí, lệ phí	- Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả; - Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định. - Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (Trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách nát hoặc bị cháy).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 sửa đổi bổ sung 1 số điều của Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá..

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ
(trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy)

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày..... tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho....
7. Đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho....(nếu có).
8. ...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xem xét cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do
.....(1).....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích: (1): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Tên thương nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

*(Trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát
hoặc bị cháy)*

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân:
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng.....năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.....ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được UBND huyện (quận).....(1)..... cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho.....
7. Đã được UBND huyện (quận).....(1).....cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....cho..... (nếu có).
- 8....(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận).....(1)..... xem xét cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do (2).....
.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Thương nhân
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Thủ tục 23: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp nộp hồ sơ theo quy định tại bộ phận “Một cửa”. Bước 2: Bộ phận “Một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa”.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn (theo Mẫu Phụ lục 48; Giấy phép bán lẻ theo Mẫu Phụ lục 50); - Bản sao Giấy phép mua bán sản phẩm thuốc lá đã được cấp; - Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.
Số lượng hồ sơ	01 bộ.
Thời hạn giải quyết	<i>15 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ. Trong trường hợp DN không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ban Quản lý ra văn bản thông báo đối với hồ sơ không đủ điều kiện cấp phép.</i>
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép/Thông báo
Phí, lệ phí	- Doanh nghiệp nộp phí và phí thẩm định trước khi nhận kết quả; - Phí thẩm định: 1.200.000đ/Điểm kinh doanh/Lần thẩm định. - Lệ phí cấp phép: 200.000đ/Giấy/Lần cấp Giấy phép.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá. - Bản cam kết về đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện PCCC, bảo vệ môi trường (nếu doanh nghiệp bổ sung hoặc chuyển

	địa điểm kinh doanh, kho hàng).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 sửa đổi bổ sung 1 số điều của Nghị định số 29/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá - Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25/9/2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16/5/2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hoá, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hoá.

Tên thương nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN BUÔN SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
6. Đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....
7. Đã được Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày tháng năm(nếu đã có)
.....(1)....
...(ghi rõ tên thương nhân)... kính đề nghị Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):
8. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)
Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....
9. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá, như sau:
Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá có tên sau:
.....(2)
- Để tổ chức bán buôn sản phẩm thuốc lá trên địa bàn thành phố Hà Nội
10. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:..... Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá và của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Tên thương nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
GIẤY PHÉP BÁN LẺ SẢN PHẨM THUỐC LÁ

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân :
2. Địa chỉ trụ sở chính:
3. Điện thoại:..... Fax:.....;
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)... số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày..... tháng.....năm.....;

5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):

+ Tên:

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá số.....ngày..... tháng.....năm.....

Đã được UBND huyện (quận) cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (sửa đổi, bổ sung lần thứ.....) số ngày tháng năm(nếu đã có)

.....(1)....

...(ghi rõ tên thương nhân)...kính đề nghị UBND huyện (quận) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá, như sau:

- Được phép mua sản phẩm thuốc lá của các thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá có tên sau:

.....(2)

- Đề tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá tại các địa điểm(3)

3. Sửa đổi, bổ sung các địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Đề nghị sửa đổi:

- Thông tin cũ:.....

- Thông tin mới:.....(3)

b) Đề nghị bổ sung:

.....(4)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá, Thông tư số 21/2013/TT-BCT ngày 25 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng lần sửa đổi, bổ sung, số giấy phép, ngày cấp (nếu có).

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá.

(3): Ghi rõ tên, địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm thuốc lá.

(4): Ghi rõ các nội dung khác cần sửa đổi, bổ sung.

Tên thương nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

**BẢN CAM KẾT VỀ BẢO ĐẢM TUÂN THỦ ĐẦY ĐỦ CÁC
YÊU CẦU ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY,
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên thương nhân :.....
 2. Địa chỉ trụ sở chính:
 3. Điện thoại:..... Fax:.....;
 4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)
số do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm.....,
đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;
 5. Chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc địa điểm kinh doanh (nếu có):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
 6. Kho hàng (hoặc khu vực chứa hàng):
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại:..... Fax:.....;
-(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam kết bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu
điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường đối với kho hàng (hoặc
khu vực chứa hàng) nêu trên./.

Người đại diện theo pháp luật của thương nhân

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Thủ tục 24: Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp tại bộ phận “một cửa thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 29 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT; 2. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; 3. Bản cam kết do doanh nghiệp tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình; 4. Báo cáo kết quả, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp: + Bản thuyết minh hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống bán buôn; 5. Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu) và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (nếu đã kinh doanh) của các doanh nghiệp đã hoặc sẽ thuộc hệ thống bán buôn sản phẩm rượu (tối thiểu phải có từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên); 6. Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ địa bàn, loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh); 7. Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

	8. Hồ sơ về phương tiện vận chuyển bao gồm: bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận chuyển (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); tối thiểu phải có quyền sử dụng 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển; 9. Hồ sơ về năng lực tài chính: có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng có số dư tài khoản tối thiểu 300 triệu đồng); 10. Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính *Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ
Số lượng hồ sơ	+ 01 bộ gửi cơ quan Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
Thời hạn giải quyết	- 7 ngày làm việc đối với bộ hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ kể từ khi nhận được bộ hồ sơ. - 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc Thành phố Hà Nội
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép/ Thông báo.
Phí, lệ phí	Doanh nghiệp nộp Phí và Lệ phí tại Bộ phận “một cửa” trước khi nhận kết quả: + Phí thẩm định kinh doanh, kho hàng: 1.200.000 đồng/điểm/lần thẩm định + Lệ phí cấp mới giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu : 200.000 đồng/giấy/lần.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 29 Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Không có.

TTHC	
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/06/2016 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực. + Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. + Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ban quản lý xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, cụ thể:

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽¹⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽²⁾

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽¹⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽²⁾

b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố Hà Nội

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

.....⁽³⁾

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

⁽¹⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối rượu.

⁽³⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Thủ tục 25: Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp tại bộ phận “một cửa thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT; 2. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế. 3. Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình. 4. Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh). 5. Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm. 6. Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính. *Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ
Số lượng hồ sơ	+ 01 bộ gửi cơ quan Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Thời hạn giải quyết	- 7 ngày làm việc đối với bộ hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ kể từ khi nhận được bộ hồ sơ. - 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép/ Thông báo.
Phí, lệ phí	Doanh nghiệp nộp Phí và Lệ phí trước khi nhận kết quả: + Phí thẩm định kinh doanh, kho hàng: 1.200.000 đồng/điểm/lần thẩm định + Lệ phí cấp mới giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu : 200.000 đồng/giấy/lần.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 31 Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số

	94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/06/2016 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực. + Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. + Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên thương nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:.....

do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay
đổi lần thứ..... ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xem xét cấp Giấy phép
kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(1).....của doanh
nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:(2)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(1).....của doanh
nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:.....(2)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:.....(3)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị
định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số
39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết
một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên
quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang,
Whisky, Cognac,..;

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn
sản phẩm rượu.

(3): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương
nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu

Thương nhân

(Ký ghi rõ Họ và tên)

Thủ tục 26: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp tại bộ phận “một cửa thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	1. Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu tại Phụ lục số 33 kèm theo Thông tư số 39/2012/TT-BCT; 2. Bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp 3. Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung. *Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ
Số lượng hồ sơ	01 bộ gửi cơ quan Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
Thời hạn giải quyết	- 3 ngày làm việc đối với bộ hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ kể từ khi nhận được bộ hồ sơ. - 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện	Giấy phép/ Thông báo.

TTHC	
Phí, lệ phí	Không thu phí
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 33 Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có.
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. + Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG GIẤY PHÉP
KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU**

Kính gửi: Ban Quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Tên doanh nghiệp :

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:.....

do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ

.... ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày.....

tháng.....năm.....do....(1) cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày.....

tháng.....năm.....do....(1) cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị(1) xem xét cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh (2) sản phẩm rượu, với lý do cụ thể như sau (tùy thuộc vào nhu cầu sửa đổi, bổ sung để doanh nghiệp thực hiện theo một trong các đề nghị dưới đây):

1. Sửa đổi thông tin chung (tên thương nhân, trụ sở chính, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa điểm kinh doanh,...)

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:.....

2. Sửa đổi, bổ sung về tổ chức(2).... sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3).... của

.....(4).... sản phẩm rượu có tên

sau:.....(5) Được phép tổ chức(2)....

sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố.....(6)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(3)....
của.....(4).... sản phẩm rượu có tên sau:
.....(5) Được phép tổ chức(2)
.... sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố.....(6)

3. Sửa đổi, bổ sung địa điểm tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

a) Đề nghị sửa đổi:

Thông tin cũ:.....

Thông tin mới:....

b) Đề nghị bổ sung:

.....(7).....(ghi rõ tên doanh nghiệp)..... xin cam
đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11
năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012
của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP
và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- (1): Ghi rõ tên Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.
- (2): Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.
- (3): Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;89
- (4): Ghi rõ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm
rượu khác hoặc doanh nghiệp nhập khẩu sản phẩm rượu trực tiếp từ thương nhân nước
ngoài hoặc của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu
- (5): Ghi rõ địa chỉ , điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ
sản phẩm rượu.
- (6): Ghi rõ tên của từng tỉnh, thành phố
- (7): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép bổ sung

Thủ tục 27: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp tại bộ phận “một cửa thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 08 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	a. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới: a.1. Đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu: 1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 29 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT; 2. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế; 3. Bản cam kết do doanh nghiệp tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình; 4. Báo cáo kết quả, kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp: + Bản thuyết minh hình thức tổ chức bán hàng, phương thức quản lý hệ thống bán buôn; 5. Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (có đăng ký ngành nghề kinh doanh bán buôn đồ uống có cồn hoặc kinh doanh rượu) và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu (nếu đã kinh doanh) của các doanh

ng nghiệp đã hoặc sẽ thuộc hệ thống bán buôn sản phẩm rượu (tối thiểu phải có từ 03 thương nhân bán lẻ sản phẩm rượu trở lên);

6. Bản sao các văn bản giới thiệu, hợp đồng mua bán của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc của các doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ địa bàn, loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh);

7. Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm;

8. Hồ sơ về phương tiện vận chuyển bao gồm: bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng phương tiện vận chuyển (là sở hữu hoặc đồng sở hữu theo hợp đồng liên doanh, liên kết góp vốn; hoặc có hợp đồng thuê phương tiện vận tải phù hợp với quy mô kinh doanh của doanh nghiệp với thời gian thuê tối thiểu là 01 năm); tối thiểu phải có quyền sử dụng 01 xe có tải trọng từ 500 kg trở lên; đáp ứng yêu cầu bảo quản được chất lượng của sản phẩm rượu trong thời gian vận chuyển;

9. Hồ sơ về năng lực tài chính: có năng lực tài chính bảo đảm cho toàn bộ hệ thống bán buôn của doanh nghiệp hoạt động bình thường (có Giấy xác nhận của ngân hàng có số dư tài khoản tối thiểu 300 triệu đồng);

10. Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính

*Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ.

a.2. Đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu:

1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 31 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT;

2. Bản sao Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

3. Bản cam kết do thương nhân tự lập, trong đó nêu rõ nội dung thương nhân bảo đảm tuân thủ đầy đủ các yêu cầu điều kiện về phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật tại các cửa hàng kinh doanh và kho hàng của mình.

4. Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng mua bán của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu (trong đó ghi rõ loại sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh).

5. Bản sao Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc bản sao giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm.

6. Bản sao Phiếu thu đã nộp phí và lệ phí theo quy định của Bộ Tài chính

*Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ

	b.Trường hợp cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy: <i>Hồ sơ đề nghị cấp lại do bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy bao gồm:</i> 1. Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu theo Mẫu tại Phụ lục 34 kèm theo Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương; 2. Bản gốc hoặc bản sao Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu đã được cấp; 3. Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của doanh nghiệp để cấp lại <i>*Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ</i>
Số lượng hồ sơ	+ 01 bộ gửi cơ quan Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội
Thời hạn giải quyết	- 3 ngày làm việc đối với bộ hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ kể từ khi nhận được bộ hồ sơ. - 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp thuộc thành phố Hà Nội
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép/ Thông báo.
Phí, lệ phí	Doanh nghiệp nộp Phí và Lệ phí trước khi nhận kết quả. Mức phí và lệ phí này áp dụng cho trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực: + Phí thẩm định kinh doanh, kho hàng: 1.200.000 đồng/điểm/lần thẩm định + Lệ phí cấp mới Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu : 200.000 đồng/giấy/lần.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	- Tùy từng trường hợp cụ thể, đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh sản phẩm rượu theo các Mẫu tại Phụ lục 29, 31, 34 Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương.
Yêu cầu, điều kiện thực hiện	Không có.

TTHC	
Căn cứ pháp lý của TTHC	+ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế; + Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu; + Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06/06/2016 của Bộ Công thương Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực. + Thông tư số 77/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài Chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; phí thẩm định kinh doanh hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thương mại; lệ phí cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; lệ phí cấp Giấy phép kinh doanh thuộc lĩnh vực thương mại và lệ phí cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa. + Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN BUÔN SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Tên doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:..... do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ban quản lý xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu, cụ thể:

1. Được phép tổ chức bán buôn sản phẩm rượu, như sau:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽¹⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽²⁾.....

Được phép mua các loại sản phẩm rượu:⁽¹⁾.... của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối sản phẩm rượu có tên sau:⁽²⁾.....

b) Được phép tổ chức hệ thống bán buôn sản phẩm rượu tại tỉnh, thành phố Hà Nội

2. Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

.....⁽³⁾.....

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ

Doanh nghiệp xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

- ⁽¹⁾: Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;
- ⁽²⁾: Ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất rượu hoặc doanh nghiệp phân phối rượu.
- ⁽³⁾: Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm doanh nghiệp dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Tên thương nhân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
KINH DOANH BÁN LẺ SẢN PHẨM RƯỢU

Kính gửi: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Tên thương nhân:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp mã số doanh nghiệp:.....

do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần thứ.... ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đề nghị Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xem xét cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, cụ thể như sau:

1. Được phép mua:

a) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(1).....của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên sau:

.....(2)

b) Được phép mua các loại sản phẩm rượu:(1).....của doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu có tên

sau:.....(2)

2. Được phép bán:

Được phép tổ chức bán lẻ sản phẩm rượu tại các địa điểm:

.....(3)

.....(ghi rõ tên thương nhân)..... xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số

94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số

94/2012/NĐ-CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ từng loại sản phẩm rượu như: Vang, Whisky, Cognac,...;

(2): Ghi rõ tên, địa chỉ của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm rượu.

(3): Ghi rõ địa chỉ, điện thoại các địa điểm thương nhân dự kiến xin phép để bán lẻ sản phẩm rượu.

Tên doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày....tháng...năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
GIẤY PHÉP KINH DOANH SẢN PHẨM RƯỢU
*(Trong trường hợp bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần,
bị rách, nát hoặc bị cháy)*

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại:..... Fax:.....;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp..... mã số doanh nghiệp:.....
do..... cấp đăng ký lần đầu ngày..... tháng..... năm....., đăng ký thay đổi lần
thứ..... ngày tháng..... năm.....;

Địa điểm kinh doanh:

+ Tên địa điểm kinh doanh:

+ Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

+ Điện thoại:..... Fax:.....;

Đã được cấp Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....ngày.....
tháng.....năm.....do....(1) cấp.

Đã được cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh.....(2) sản phẩm rượu số.....
ngày.....tháng.....năm.....do....(1) cấp (nếu có).

Doanh nghiệp kính đề nghị

(1) xem xét cấp lại Giấy phép kinh doanh (2) sản

phẩm rượu, với lý do(3).....(ghi rõ tên doanh nghiệp).....

xin cam đoan thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12
tháng 11 năm 2012 của Chính phủ, Thông tư số 39/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm
2012 của Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-
CP và những quy định của pháp luật liên quan. Nếu sai xin hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật./.

Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
(Họ và Tên, ký tên, đóng dấu)

Chú thích:

(1): Ghi rõ tên Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

(2) Ghi rõ là phân phối hoặc bán buôn hoặc bán lẻ.

(3): Ghi rõ lý do xin cấp lại.

Thủ tục 28: Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội (Cấp giấy phép lần đầu tiên)

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ . Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành trong trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng -CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu) do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; 2. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập xác nhận. Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ; 3. Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bổ nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện; 4. Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; 5. Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam); hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu Văn phòng đại diện; 6. Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện bao gồm: - Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; - Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan.

	Chú ý: Tài liệu quy định tại Mục 2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 (đối với trường hợp bản sao hộ chiếu của người đứng đầu Văn phòng đại diện là người nước ngoài) phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tài liệu quy định tại Mục 2 phải được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan cấp Giấy phép kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ. - 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ. - 13 ngày làm việc trong trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (bao gồm thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành).
Đối tượng thực hiện TTHC	Thương nhân nước ngoài thành lập Văn phòng đại diện đặt trụ sở tại Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu công nghệ cao trên địa bàn Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	3.000.000 đồng. Thương nhân nộp lệ phí trước khi nhận kết quả tại Ban Quản lý.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện (<i>Mẫu MĐ-1, Thông tư 11/2016/TT-BTM ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương</i>).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Thương nhân nước ngoài được cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi đáp ứng các điều kiện sau: 1. Thương nhân nước ngoài được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc được pháp luật các quốc gia, vùng lãnh thổ này công nhận; 2. Thương nhân nước ngoài đã hoạt động ít nhất 01 năm, kể từ ngày được thành lập hoặc đăng ký; 3. Trong trường hợp Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài có quy định thời hạn hoạt động thì thời hạn đó phải còn ít nhất là 01 năm tính từ ngày nộp hồ sơ;

	4. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện phải phù hợp với cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; 5. Trường hợp nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện không phù hợp với cam kết của Việt Nam hoặc thương nhân nước ngoài không thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ tham gia điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, việc thành lập Văn phòng đại diện phải được sự chấp thuận của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành (sau đây gọi chung là Bộ trưởng Bộ quản lý chuyên ngành).
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư 11/2016/TT-BTM ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp:.....

Địa chỉ trụ sở chính: (địa chỉ trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Số tài Khoản:..... tại Ngân hàng:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website:

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đang hoạt động (nếu có):

Văn phòng đại diện số 1:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Mã số thuế:

Điện thoại: Fax: Email: Website: (nếu có)

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Văn phòng đại diện đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam và đã chấm dứt hoạt động, bao gồm cả chấm dứt hoạt động theo Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP (nếu có):

Văn phòng đại diện số ...:

Tên Văn phòng đại diện:

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số:... Ngày cấp.../.../... Cơ quan cấp:

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện:

Thời Điểm Cơ quan cấp Giấy phép công bố việc chấm dứt hoạt động:

Văn phòng đại diện số ...:

.....(khai báo tương tự như trên)

Đề nghị cấp (cấp lại)¹ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số ...² như sau:

Tên Văn phòng đại diện:

Tên giao dịch bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt (nếu có):

Địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện: (ghi số nhà, đường/phố, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố).....

Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện: (nêu lĩnh vực hoạt động, công việc thực hiện)

.....

.....

Thời hạn của Giấy phép thành lập:

.....

Người đứng đầu Văn phòng đại diện³:

Họ và tên:..... Giới tính:

Quốc tịch:

Số định danh cá nhân/Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu:

Ngày cấp .../.../.... Nơi cấp:

Nơi đăng ký lưu trú (đối với người nước ngoài)/Nơi đăng ký thường trú (đối với người Việt Nam):

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của
thương nhân nước ngoài**
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Thủ tục 29: Cấp Giấy phép điều chỉnh thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội theo Điều 15, Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ . Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành trong trường hợp việc điều chỉnh Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng -CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (theo mẫu) do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; 2. Bản chính Giấy phép thành lập văn phòng đại diện đã được cấp; 3. Các tài liệu chứng minh về nội dung thay đổi, cụ thể: - Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi tên gọi hoặc địa chỉ đặt trụ sở của thương nhân nước ngoài. - Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 2 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016: Bản sao tài liệu pháp lý do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh sự thay đổi nội dung hoạt động của thương nhân nước ngoài. - Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016: Văn bản của thương nhân nước ngoài cử/bỏ nhiệm người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện, Chi nhánh; bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (nếu là người Việt Nam) hoặc bản sao hộ chiếu (nếu là người nước ngoài) của người đứng đầu mới của Văn phòng đại diện/Chi nhánh; giấy tờ chứng minh người đứng đầu cũ của Văn phòng đại diện, Chi nhánh đã thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đến thời điểm thay đổi. - Trường hợp điều chỉnh Giấy phép quy định tại Khoản 6 và Khoản 7 Điều 15 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016: Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương

	nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh; bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện, Chi nhánh theo quy định tại Điều 28 Nghị định này và quy định pháp luật có liên quan. <i>-Chú ý: Đối với tài liệu bằng tiếng nước ngoài và bản sao hộ chiếu của người đứng đầu mới Văn phòng đại diện là người nước ngoài phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam</i> b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban Quản lý kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không điều chỉnh có văn bản nêu rõ lý do. - 13 ngày làm việc trong trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (bao gồm thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành).
Đối tượng thực hiện TTHC	Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	1.500.000 VN đồng. Thương nhân nộp lệ phí trước khi nhận kết quả tại Ban Quản lý.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị sửa đổi bổ sung Giấy phép thành lập văn phòng đại diện (<i>Mẫu MĐ-2, Thông tư 11/2016/TT-BTM ngày 05/7/2016 của Bộ Thương mại nay là Bộ Công thương</i>)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Thương nhân nước ngoài phải làm thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế.- Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày

	14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư 11/2006/TT-BTM ngày 28/9/2006 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) - Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt:.....

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: Ngày cấp .../.../.....

⁶Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Nội dung Điều chỉnh:

Lý do Điều chỉnh:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

Đại diện có thẩm quyền
của thương nhân nước ngoài
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu

Thủ tục 30: Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo qui định tại Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ . Bước 3: Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng -CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Hồ sơ cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện gồm: - Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; - Đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định 07/2016/NĐ-CP bổ sung thêm các hồ sơ sau: + Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện gửi Cơ quan cấp Giấy phép nơi chuyển đi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 36 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016; + Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp; + Tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện nơi chuyển đến bao gồm: + Bản sao biên bản ghi nhớ hoặc thỏa thuận thuê địa điểm hoặc bản sao tài liệu chứng minh thương nhân có quyền khai thác, sử dụng địa điểm để đặt trụ sở Văn phòng đại diện; + Bản sao tài liệu về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 28 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/1/2016 và quy định pháp luật có liên quan. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý cấp lại hoặc không cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không cấp lại có văn bản nêu rõ lý do.

Đối tượng thực hiện TTHC	Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	1.500.000 VN đồng. Thương nhân nộp lệ phí trước khi nhận kết quả tại Ban Quản lý.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện - Đối với cấp lại theo Khoản 1 Điều 18: <i>Mẫu MD-1, Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương</i> - Đối với cấp lại theo Khoản 2 Điều 18: <i>(Mẫu MD-2, Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương.</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Thương nhân nước ngoài thực hiện thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện tại nơi chuyển đi. Quá thời hạn nêu trên, thương nhân nước ngoài phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư 11/2006/TT-BCT ngày 28/9/2006 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa)

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Đề nghị cấp lại⁴ Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../.....

⁵Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Mã số thuế:

Lý do cấp lại:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền
của thương nhân nước ngoài**
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Thủ tục 31: Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo qui định tại Điều 21 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến Bộ quản lý chuyên ngành trong trường hợp việc gia hạn Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành. Bước 4: Thương nhân nhận kết quả tại Bộ phận “ Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng -CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: 1. Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký; 2. Bản sao Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài; 3. Bản sao báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc văn bản xác nhận tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế hoặc tài chính trong năm tài chính gần nhất hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập cấp hoặc xác nhận, chứng minh sự tồn tại và hoạt động của thương nhân nước ngoài trong năm tài chính gần nhất; 4. Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp. Chú ý: Tài liệu quy định tại Mục 2 phải dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận hoặc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tài liệu quy định tại Mục 3 phải dịch ra tiếng Việt và chứng thực theo quy định pháp luật Việt Nam. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ.

	- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Trường hợp không điều chỉnh có văn bản nêu rõ lý do. - 13 ngày làm việc trong trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành (bao gồm thời gian lấy ý kiến của Bộ quản lý chuyên ngành).
Đối tượng thực hiện TTHC	Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có).
Kết quả thực hiện TTHC	Giấy phép
Phí, lệ phí	1.500.000 đồng. Thương nhân nộp lệ phí trước khi nhận kết quả tại Ban Quản lý.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Đơn đề nghị sửa đổi bổ sung giấy phép thành lập văn phòng đại diện (<i>Mẫu MĐ-4, Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương</i>)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Thương nhân nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi hết thời hạn quy định trong Giấy phép, trừ trường hợp có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 44 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THÀNH LẬP
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Kính gửi: (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (tên trên Giấy phép thành lập/Đăng ký doanh nghiệp)

Tên thương nhân bằng tiếng Anh: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết tắt

Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh/Mã số doanh nghiệp: ... Ngày cấp: .../.../... Cơ quan cấp:.....

Thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập/Đăng ký kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có).....

Đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện như sau:

Tên Văn phòng đại diện: (tên trên Giấy phép thành lập)

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện số: ... Ngày cấp: .../.../

⁷Thứ tự của Văn phòng đại diện:

Mã số thuế:

Số lao động làm việc tại Văn phòng đại diện tại thời Điểm gia hạn:... người; trong đó:

- Số lao động nước ngoài:... người;

- Số lao động Việt Nam: ... người.

Thời hạn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập:.....

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn đề nghị và hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam và các quy định của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện./.

**Đại diện có thẩm quyền của
thương nhân nước ngoài**
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Thủ tục 32: Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam hoạt động trong các khu công nghiệp Hà Nội

Trình tự thực hiện	Bước 1: Thương nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho thương nhân về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ đề nghị hoàn thiện hồ sơ . Bước 3: Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban Quản lý thông báo công bố trên trang điện tử của Ban.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng -CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: 1. Thông báo về việc chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của thương nhân nước ngoài ký, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016; 2. Bản sao văn bản của Cơ quan cấp Giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện (đối với trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016) hoặc bản sao Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của Cơ quan cấp Giấy phép (đối với trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016); 3. Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội; 4. Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động; 5. Bản chính Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện. Chú ý: Đối với trường hợp Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động tại một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý để chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác, hồ sơ chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện chỉ bao gồm các tài liệu quy định tại Mục 1 và Mục 5 Điều này. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý kiểm tra và yêu cầu bổ sung nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ. Việc yêu cầu bổ sung hồ sơ được thực hiện tối đa một lần trong suốt quá trình giải quyết hồ sơ. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công bố trên trang thông tin điện tử của mình về việc chấm dứt hoạt động của Văn

	phòng đại diện.
Đối tượng thực hiện TTHC	Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý.
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	-Thông báo dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện . <i>(Phụ lục mẫu TB, Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công thương)</i>
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	1. Ngoài việc thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 36 và Điều 37 Nghị định này, thương nhân nước ngoài, Văn phòng đại diện phải niêm yết công khai về việc chấm dứt hoạt động tại trụ sở của Văn phòng đại diện và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động. 2. Thương nhân nước ngoài có Văn phòng đại diện đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại Văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ bổ sung Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 07/2016/NĐ-CP ngày 25/01/2016 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Thông tư 11/2016/TT-BCT ngày 05/7/2016 của Bộ Công Thương. - Thông tư số 133/2012/TT-BTC ngày 13/8/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa Điểm, ngày... tháng... năm...

**THÔNG BÁO CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG
CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN.../CHI NHÁNH ... TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: ... (tên Cơ quan cấp Giấy phép)

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa tên thương nhân bằng tiếng Anh).....

Tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh tại Việt Nam: (ghi bằng chữ in hoa tên Văn phòng đại diện/Chi nhánh trong Giấy phép thành lập):

Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện/Chi nhánh số.....Ngày cấp: ... /.../.....

Địa chỉ trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh: (ghi địa Điểm đặt trụ sở Văn phòng đại diện/Chi nhánh theo Giấy phép thành lập)

Điện thoại:..... Fax:..... Email:..... Website: (nếu có)

Thời hạn hoạt động: từ ngày.... tháng... năm.... đến ngày... tháng... năm.....

¹Thông báo việc thanh toán (hoặc chưa thanh toán) các Khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan đến việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.../Chi nhánh...:

1. Thuế:

2. Bảo hiểm xã hội:.....

3. Các Khoản khác:.....

4. Các nghĩa vụ khác (nếu có):

Đề nghị chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện.../Chi nhánh tại Việt Nam:

Từ ngày...tháng...năm...

Lý do chấm dứt hoạt động:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm về sự trung thực và chính xác của nội dung Thông báo này.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Nghị định số 07/2016/NĐ-CP pháp luật Việt Nam liên quan đến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện/Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam./

**Đại diện có thẩm quyền
của thương nhân nước ngoài**
Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)

Thủ tục 33: Đăng ký Văn phòng phẩm, hàng hoá phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định nộp tại bộ phận “một cửa thuộc Ban Quản lý. Bước 2: Bộ phận “một cửa” kiểm tra hồ sơ và thông báo ngay cho doanh nghiệp về một trong những trường hợp sau: 1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đầy đủ: Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. 2. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, chưa đầy đủ, đề nghị doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại Bộ phận “Một cửa” thuộc Ban Quản lý.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ: 1. Bản đăng ký văn phòng phẩm, hàng hoá mua từ thị trường nội địa (2 bản gốc); 2. Báo cáo tình hình thực hiện quý trước , đăng ký quý sau phải báo cáo tình hình thực hiện quý trước. b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)
Thời hạn giải quyết	05 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ.
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Xuất nhập khẩu d) Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả thực hiện TTHC	Phê duyệt
Phí, lệ phí	Không thu

Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Bản đăng ký danh mục văn phòng phẩm, hàng hoá phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa quý/năm (Thông tư 04/2007/TT-BTM ngày 04/4/2007 của Bộ Thương mại nay là Bộ Công thương) Bản báo cáo tình hình thực hiện văn phòng phẩm, hàng hoá phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa quý / năm (Thông tư 04/2007/TT-BTM ngày 04/4/2007 của Bộ Thương mại nay là Bộ Công thương)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Người đề nghị xác nhận chỉ được xem xét sau khi đã hoàn thành thủ tục đăng ký Hồ sơ thương nhân.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 29/2008/NĐ-CP nêu trên. - Thông tư 04/2007/TT-BTM ngày 04/4/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của UBND Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

TÊN CÔNG TY

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

*V/v: Đăng ký danh mục văn phòng phẩm, hàng hoá
phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế
xuất mua từ thị trường nội địa quý/năm 200...*

**Đăng ký danh mục văn phòng phẩm, hàng hoá phục vụ sinh hoạt hàng ngày của
doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa.**

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

Căn cứ Thông tư 04/2007/TT-BTM ngày 04/4/2007 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) đăng ký văn phòng phẩm, hàng hoá phục vụ sinh hoạt hàng mua từ thị trường nội địa quý/năm 200... như sau:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị tính theo số lượng	Định mức sử dụng trung bình 1 tháng	Tổng số lượng quý/năm ...	Ghi chú

Công ty chúng tôi cam kết những nội dung trong bản đăng ký phù hợp với nhu cầu mua bán hàng hoá của Công ty và quá trình mua bán thực tế sẽ được thực hiện bằng hoá đơn, chứng từ hợp lệ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã đăng ký và thực hiện.

Đề nghị Ban Quản lý xác nhận văn phòng phẩm, hàng hoá phục vụ sinh hoạt hàng ngày của doanh nghiệp chế xuất mua từ thị trường nội địa quý... năm 200...

Xác nhận của Ban Quản lý

Ngày tháng năm 20

Ký tên/ Đóng dấu

Tổng giám đốc

Ký tên/ Đóng dấu

IV. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Thủ tục 1: Xác nhận, xác nhận lại đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cấp Thành phố

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “một cửa”; Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: -Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả; Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn doanh nghiệp tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	* Thành phần hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (đối với các dự án thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường) bao gồm: - Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường với trang bìa và yêu cầu về nội dung thực hiện theo mẫu tương ứng quy định tại Phụ lục 5.4 và 5.5 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Một (01) báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. * Thành phần hồ sơ đề nghị xác nhận lại đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (đối với các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường 2014) cũng bao gồm các mục như trên.
Số lượng hồ sơ	Một (01) bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội có trách nhiệm xác nhận,

	xác nhận lại đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Một (01) giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.7, hoặc một (01) văn bản thông báo chưa đủ điều kiện để xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.8 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Phí, lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.4 và 5.5 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
Yêu cầu	- Đối với hồ sơ xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường: Các dự án thuộc đối tượng quy định tại Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Đối với hồ sơ xác nhận lại đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường: Các dự án đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường 2014.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý.

**MẪU TRANG BÌA CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM
QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và
kế hoạch bảo vệ môi trường)

(1)

KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG của (2)

Đại diện (*) (ký, ghi họ tên, đóng dấu
(nếu có))

Đại diện đơn vị tư vấn (nếu có) (*) (ký,
ghi họ tên, đóng dấu)

Tháng ... năm 20...

*Ghi chú: (1) Chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; (2) Tên dự án, phương
án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.*

() Chỉ thể hiện tại trang phụ bì.*

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa danh nơi thực hiện dự án), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: (1)

.....
Chúng tôi gửi đến (1) bản kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (gọi chung là dự án): nêu đúng tên gọi như được nêu trong báo cáo đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương).

1.2. Tên chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ: ...

1.4. Người đại diện theo pháp luật: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ...).

1.6. Địa điểm thực hiện dự án:

Mô tả vị trí địa lý (tọa độ các điểm khống chế ranh giới theo hệ VN2000) của địa điểm thực hiện dự án kèm theo sơ đồ minh họa chỉ rõ các đối tượng tự nhiên (sông ngòi, ao hồ, đường giao thông,...), các đối tượng về kinh tế - xã hội (khu dân cư, khu đô thị; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử,...), hiện trạng sử dụng đất trên vị trí thực hiện dự án và các đối tượng xung quanh khác.

Chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải của dự án kèm theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành áp dụng đối với các nguồn này.

1.7. Quy mô dự án

Mô tả tóm lược về quá trình thi công xây dựng; quy mô/công suất sản xuất; công nghệ sản xuất; liệt kê danh mục các thiết bị, máy móc kèm theo tình trạng của chúng.

1.8. Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng

- Nhu cầu về nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho sản xuất được tính theo giờ, ngày, tháng hoặc năm; phương thức cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu.

- Nhu cầu và nguồn cung cấp điện, nước cho sản xuất.

Yêu cầu:

- Đối với trường hợp mở rộng, nâng cấp, nâng công suất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động cần phải bổ sung thông tin về cơ sở đang hoạt động, đặc biệt là các thông tin liên quan đến các công trình, thiết bị, hạng mục, công nghệ sẽ được tiếp tục sử dụng hoặc loại bỏ hoặc thay đổi, điều chỉnh, bổ sung.

II. Các tác động xấu đến môi trường

2.1. Tác động xấu đến môi trường do chất thải

2.1.1. Khí thải: ...

2.1.2. Nước thải: ...

2.1.3. Chất thải rắn: ...

2.1.4. Chất thải nguy hại: ...

2.1.5. Chất thải khác:... (nếu có)

Đối với mỗi loại chất thải phải nêu đủ các thông tin về: nguồn phát sinh, tổng lượng phát sinh trên một đơn vị thời gian, thành phần chất thải. Đối với khí thải và nước thải còn phải nêu rõ hàm lượng/nồng độ của từng thành phần ô nhiễm đặc trưng và so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành trong trường hợp chưa áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu.

2.2. Tác động xấu đến môi trường không do chất thải

Nêu tóm tắt các tác động xấu đến môi trường khác (nếu có) do dự án gây ra: xói mòn, trượt, sụt, lở, lún đất; sự xói lở bờ sông, bờ suối, bờ hồ, bờ biển; sự bồi lắng lòng sông, lòng suối, lòng hồ; sự thay đổi mực nước mặt, nước dưới đất; xâm nhập mặn; xâm nhập phèn; sự biến đổi vi khí hậu; sự suy thoái các thành phần môi trường; sự biến đổi đa dạng sinh học và các yếu tố khác.

Yêu cầu: các loại tác động xấu đến môi trường phải được thể hiện theo từng giai đoạn, bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các giai đoạn sau theo đặc thù của từng dự án cụ thể: (1) chuẩn bị đầu tư, (2) thi công xây dựng, (3) vận hành dự án và (4) hoàn thành dự án.

III. Kế hoạch bảo vệ môi trường

3.1. Giảm thiểu tác động xấu do chất thải

- Mỗi loại chất thải phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giải quyết tương ứng và có thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giải quyết. Trong trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

- Phải chứng minh sau khi áp dụng biện pháp giải quyết thì các chất thải sẽ được xử lý đến mức nào, có so sánh, đối chiếu với các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định hiện hành. Trường hợp không đáp ứng được yêu cầu quy định thì phải nêu rõ lý do và có các kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.2. Giảm thiểu các tác động xấu khác

Mỗi loại tác động xấu phát sinh đều phải có kèm theo biện pháp giảm thiểu tương ứng, thuyết minh về mức độ khả thi, hiệu suất/hiệu quả giảm thiểu tác động xấu đó. Trường hợp không thể có biện pháp hoặc có nhưng khó khả thi trong khuôn khổ của dự án thì phải nêu rõ lý do và có kiến nghị cụ thể để các cơ quan liên quan có hướng giải quyết, quyết định.

3.3. Kế hoạch giám sát môi trường

- Giám sát lưu lượng khí thải, nước thải và những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải đặc trưng cho dự án, phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành, với tần suất tối thiểu một (01) lần/06 tháng. Không yêu cầu chủ dự án giám sát nước thải đối với dự án có đầu nối nước thải để xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung và không yêu cầu chủ

dự án giám sát những thông số ô nhiễm có trong khí thải, nước thải mà dự án không có khả năng phát sinh hoặc khả năng phát sinh thấp.

- Các điểm giám sát phải được thể hiện cụ thể trên sơ đồ với chú giải rõ ràng và tọa độ theo quy chuẩn hiện hành.

Yêu cầu:

- Ngoài việc mô tả biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường như hướng dẫn tại mục 3.1 và 3.2 Phụ lục này, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường mang tính công trình phải được liệt kê dưới dạng bảng, trong đó nêu rõ chủng loại, đặc tính kỹ thuật, đo lường cần thiết và kèm theo tiến độ xây lắp cụ thể cho từng công trình.

- Đối với đối tượng mở rộng quy mô, nâng cấp, nâng công suất, nội dung của phần III Phụ lục này cần phải nêu rõ hiện trạng các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường hiện có của cơ sở hiện hữu và mối liên hệ của các công trình này với hệ thống công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án cải tạo, nâng cấp, nâng công suất.

IV. Cam kết

Chúng tôi cam kết về việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu trong kế hoạch bảo vệ môi trường đạt các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Chúng tôi gửi kèm theo đây các văn bản có liên quan đến dự án (nếu có và liệt kê cụ thể).

Chúng tôi bảo đảm về độ trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường, kể cả các tài liệu đính kèm. Nếu có sai phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Nhà đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu

Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;

(2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) của đại diện có thẩm quyền của chủ dự án ở trang cuối cùng.

Thủ tục 2 : Lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản cấp Thành phố

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “một cửa”; Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn doanh nghiệp tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	a) Một (01) văn bản đăng ký đề án đơn giản của chủ cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; b) Ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản có bìa, trang phụ bìa, nội dung và cấu trúc theo mẫu tại Phụ lục 14a Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
Số lượng hồ sơ	Một (01) bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xác nhận bằng văn bản gửi cho chủ cơ sở.
Đối tượng	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Thực hiện TTHC	
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận ký và đóng dấu xác nhận vào mặt sau của trang phụ bì của đề án đơn giản theo mẫu quy định tại Phụ lục 10b và một (01) Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội theo quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ TNMT quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
Phí, lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Văn bản đăng ký đề án đơn giản của chủ cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
Yêu cầu	- Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày 01 tháng 4 năm 2015 có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP nhưng không có bản cam kết bảo vệ môi trường và được quy định chi tiết tại Phụ lục 1b và được quy định tại Khoản 1 Điều 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ TNMT quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, chủ cơ sở có trách nhiệm gửi bổ sung số lượng bản đề án đơn giản theo yêu cầu.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ Môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy

	định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý.

Phụ lục 13. Mẫu văn bản đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản
*Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường*

...(1)...

Số:/.....

V/v xác nhận đăng ký đề án
bảo vệ môi trường đơn giản
của ...(2)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM-
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: ...(3)...

...(1)... có địa chỉ tại ...(4)..., xin gửi đến ...(3)... ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của ...(2)...

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị quý (3) sớm xem xét và cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...(6)...
- Lưu ...

...(5)...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.
- (2) Tên đầy đủ của cơ sở.
- (3) Tên gọi của cơ quan xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường.
- (4) Địa chỉ liên hệ theo bưu điện
- (5) Đại diện có thẩm quyền của cơ quan/doanh nghiệp chủ cơ sở.

Nơi nhận khác (nếu có).

Thủ tục 3: Lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản cấp Quận, Huyện

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “một cửa”; Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn doanh nghiệp tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỗ Lao, phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	- Một (01) văn bản đăng ký đề án đơn giản của chủ cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ TNMT quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản; - Ba (03) bản đề án đơn giản; Bìa, phụ bìa, nội dung và cấu trúc của đề án đơn giản theo quy định tại Phụ lục 14a ban hành kèm theo Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ TNMT quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
Số lượng hồ sơ	Một (01) bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị đăng ký xác nhận đề án đơn giản, Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội xác nhận bằng văn bản gửi cho chủ cơ sở.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Xác nhận ký và đóng dấu xác nhận vào mặt sau của trang phụ bì của đề án đơn giản theo mẫu quy định tại Phụ lục 10b và một (01) Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội theo quy định tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ TNMT quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
Phí, lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Một (01) văn bản đăng ký đề án đơn giản của chủ cơ sở theo mẫu quy định tại Phụ lục 13 ban hành kèm theo Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản.
Yêu cầu	- Cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày 01 tháng 4 năm 2015 có quy mô, tính chất tương đương với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP nhưng không có bản cam kết bảo vệ môi trường và được quy định chi tiết tại Phụ lục 1b và được quy định tại Khoản 2 Điều 12 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ TNMT quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, chủ cơ sở có trách nhiệm gửi bổ sung số lượng bản đề án đơn giản theo yêu cầu.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ TNMT quy định Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2009 của Ủy

	ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý.

Phụ lục 13.

Mẫu văn bản đề nghị xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản
Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT
ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

V/v xác nhận đăng ký đề án
bảo vệ môi trường đơn giản
của ...(2)...

(Địa danh), ngày... tháng... năm...

Kính gửi: ...(3)...

...(1)... có địa chỉ tại ...(4)..., xin gửi đến ...(3)... ba (03) bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của ...(2)...

Chúng tôi cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại bản đề án nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Kính đề nghị quý (3) sớm xem xét và cấp giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản này.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...(6)...
- Lưu ...

...(5)...

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

Thủ tục 4 : Xác nhận, xác nhận lại đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cấp Quận, Huyện

Trình tự thực hiện	Bước 1: Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ theo quy định, nộp tại bộ phận “một cửa”; Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng quy định thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả; - Trường hợp hồ sơ còn thiếu, chưa đầy đủ thì có trách nhiệm hướng dẫn cho công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn doanh nghiệp tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định; Bước 3: Tổ chức, cá nhân nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” theo phiếu hẹn.
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần hồ sơ	* Thành phần hồ sơ đề nghị xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (đối với các dự án thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, trừ các đối tượng quy định tại Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường) bao gồm: - Ba (03) bản kế hoạch bảo vệ môi trường với yêu cầu về cấu trúc và nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.6 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Một (01) báo cáo đầu tư hoặc phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của chủ dự án.

	* Thành phần hồ sơ đề nghị xác nhận lại đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường (đối với các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường 2014) cũng bao gồm các mục như trên.
Số lượng hồ sơ	Một (01) bộ.
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội có trách nhiệm xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường. Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.
Đối tượng thực hiện TTHC	Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao trên địa bàn thành phố Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Khu chế xuất Hà Nội; - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Tài nguyên và Môi trường; - Cơ quan phối hợp (nếu có):
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Một (01) giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.7, hoặc một (01) văn bản thông báo chưa đủ điều kiện để xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.8 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
Phí, lệ phí	Không có.
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Theo mẫu quy định tại Phụ lục 5.6 Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
Yêu cầu	- Đối với hồ sơ xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường:

	Các dự án thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP, trừ các đối tượng quy định tại Phụ lục 5.1 Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Đối với hồ sơ xác nhận lại đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường: Các đối tượng quy định tại Khoản 4 Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường 2014.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014; - Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý.

CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CỦA KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THUỘC THẨM QUYỀN XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Địa điểm), ngày..... tháng năm 20.....

Kính gửi: (1)

Gửi đến (1) kế hoạch bảo vệ môi trường để đăng ký với các nội dung sau đây:

I. Thông tin chung

1.1. Tên dự án, cơ sở (gọi chung là dự án):...

1.2. Tên chủ dự án: ...

1.3. Địa chỉ liên hệ: ...

1.4. Người đại diện theo pháp luật: ...

1.5. Phương tiện liên lạc với chủ dự án: (số điện thoại, số Fax, E-mail ..).

II. Thông tin cơ bản về hoạt động sản xuất, kinh doanh

2.1. Địa điểm thực hiện dự án:

2.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; sản phẩm và số lượng

2.4. Diện tích mặt bằng cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (m²): 2.5. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất:

2.5. Nhiên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất (dầu, than, củi, gas, điện...)

III. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Khí thải từ các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công			Sử dụng phương tiện, máy móc thi công đã qua kiểm định		
			Sử dụng loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm		
			Định kỳ bảo dưỡng phương tiện, thiết bị		
			Biện pháp khác: ...		
Bụi			Cách ly, phun nước để giảm bụi		
			Biện pháp khác: ...		
Nước thải sinh hoạt			Thu gom, tự xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải)		
			Thu gom, thuê đơn vị có chức năng để xử lý		

			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực		
			Biện pháp khác:		
Nước thải xây dựng			Thu gom, xử lý trước khi thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận nước thải)		
			Đổ thẳng ra hệ thống thoát nước thải khu vực		
			Biện pháp khác:		
			...		
Chất thải rắn xây dựng			Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
			Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm)		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác:		
			...		
Chất thải rắn sinh hoạt			Tự đổ thải tại các địa điểm quy định của địa phương (chỉ rõ địa điểm)		
			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác:		
			...		
Chất thải nguy hại			Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
			Biện pháp khác:		
			...		
Tiếng ồn			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Bố trí thời gian thi công phù hợp		
			Biện pháp khác		
			...		
Rung			Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
			Bố trí thời gian thi công phù hợp		
			Biện pháp khác		
Nước mưa chảy tràn			Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		
			Biện pháp khác		
			...		

IV. Kế hoạch bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động

Yếu tố gây tác động	Tình trạng		Biện pháp giảm thiểu	Tình trạng	
	Có	Không		Có	Không
Bụi và khí thải			Lắp đặt hệ thống xử lý bụi và khí thải với ống khói		
			Lắp đặt quạt thông gió với bộ lọc không khí ở cuối đường ống		
			Biện pháp khác		
			...		
Nước thải sinh hoạt			Thu gom và tái sử dụng		
			Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung		

		Biện pháp khác		
		...		
Nước thải sản xuất		Thu gom và tái sử dụng		
		Xử lý nước thải cục bộ và thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung		
		Xử lý nước thải đáp ứng quy chuẩn quy định và thải ra môi trường (chỉ rõ nguồn tiếp nhận và quy chuẩn đạt được sau xử lý)		
		Biện pháp khác		
		...		
Nước thải từ hệ thống làm mát		Thu gom và tái sử dụng		
		Giải nhiệt và thải ra môi trường		
		Biện pháp khác		
		...		
Chất thải rắn		Thu gom để tái chế hoặc tái sử dụng		
		Tự xử lý		
		Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
		Biện pháp khác		
		...		
Chất thải nguy hại		Thuê đơn vị có chức năng để xử lý		
		Biện pháp khác		
		...		
Mùi		Lắp đặt quạt thông gió		
		Biện pháp khác		
		...		
Tiếng ồn		Định kỳ bảo dưỡng thiết bị		
		Cách âm để giảm tiếng ồn		
		Biện pháp khác		
		...		
Nhiệt dư		Lắp đặt quạt thông gió		
		Biện pháp khác		
		...		
Nước mưa chảy tràn		Có hệ thống rãnh thu nước, hố ga thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn trước khi thoát ra môi trường		
		Biện pháp khác		

V. Cam kết

5.1. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường.

5.2. Chúng tôi/tôi cam kết thực hiện đầy đủ các kế hoạch bảo vệ môi trường được nêu trên đây.

5.3. Chúng tôi/tôi đảm bảo độ trung thực của các thông tin và nội dung điền trong kế hoạch bảo vệ môi trường này./.

(2)

Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu

Ghi chú: (1) Cơ quan xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;

(2) Đại diện có thẩm quyền của chủ dự án.

Yêu cầu: Bản kế hoạch bảo vệ môi trường được lập thành ba (03) bản gốc, có chữ ký của chủ dự án ở phía dưới từng trang và ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu (nếu có) ở trang cuối cùng.

IV. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG-THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Thủ tục 1: Thừa nhận Nội qui lao động cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo qui định nộp tại bộ phận “một cửa.”, nhận phiếu hẹn có ghi ngày trả kết quả. Bước 2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng qui định thì bộ phận “một cửa” tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả cho doanh nghiệp. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì trả lại và hướng dẫn công dân chuẩn bị hồ sơ theo nội dung được qui định trong thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo qui định Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” (theo đúng thời gian đã quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 7 tầng - CC02, Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Thành phần, số lượng hồ sơ	a) Thành phần hồ sơ, bao gồm: 1. Văn bản đề nghị đăng ký Nội quy Lao động 2. Biên bản góp ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở. Trong trường hợp chưa có tổ chức Công đoàn cơ sở thì phải có xác nhận của Công đoàn cấp trên cơ sở trực tiếp. 3. Bản Nội quy lao động đóng dấu giáp lai và có chữ ký của Tổng Giám đốc (nếu là người được ủy quyền thì phải có văn bản ủy quyền theo qui định của pháp luật) (bản gốc). - Quyết định ban hành Nội quy lao động. - Nội dung của bản Nội quy lao động bao gồm những nội dung chủ yếu được quy định trong Khoản 2 Điều 119 của Bộ luật Lao động năm 2012 và Điều 27 nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/1/2015. 4. Các văn bản của người sử dụng lao động có qui định liên quan đến kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất (nếu đã có trong bản Nội qui lao động thì không cần đính kèm). b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)
Thời hạn giải quyết	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ hợp lệ (căn cứ theo quy định tại khoản 3, điều 120 bộ luật lao động).
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP Hà Nội.
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

	b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Lao động; d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không
Kết quả thực hiện TTHC	Văn bản chấp thuận
Phí, lệ phí	Không thu
Mẫu đơn, mẫu tờ khai	Không có
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Lao động năm 2012. - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi một số nội dung của Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động; - Thông tư số 32/2014/TT-BLĐTBXH ngày 01/12/2014 của Bộ Lao động - Thương binh - Xã hội hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lao động trong các KCN, KCX, KKT và khu công nghệ cao. - Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND ngày 27/04/2009 của UBND TP Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Thủ tục 2: Đăng ký kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày

Trình tự thực hiện	Bước 1: Doanh nghiệp chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo qui định nộp tại bộ phận “một cửa.”, nhận phiếu hẹn có ghi ngày trả kết quả. Bước2: Cán bộ một cửa tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Nếu hồ sơ đầy đủ, đúng qui định thì bộ phận “một cửa” tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả cho doanh nghiệp. - Nếu hồ sơ chưa đầy đủ thì trả lại và hướng dẫn công dân chuẩn bị hồ sơ theo nội dung được qui định trong thủ tục hành chính. - Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình thì hướng dẫn công dân tới cơ quan có thẩm quyền theo qui định Bước 3: Doanh nghiệp nhận kết quả tại bộ phận “một cửa” (theo đúng thời gian đã quy định).
Cách thức thực hiện	Trực tiếp tại Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội (Toà nhà 8 tầng (CC02), Khu đô thị Mỹ Lao, phường Mỹ Lao, Hà Đông, Hà Nội).
Hồ sơ	1. Thành phần hồ sơ bao gồm: a. Văn bản Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập (<i>bản chính, theo mẫu số 06, Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH</i>). a.1. Bản sao Hợp đồng nhận lao động thực tập, có bản dịch bằng tiếng Việt. a.2. Tài liệu chứng minh việc đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận lao động (hộ chiếu). a.3. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. a.4. Giấy xác nhận ký quỹ của doanh nghiệp do ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp ký quỹ cấp (bản chính). 2. Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)
Thời hạn giải quyết	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
Cơ quan thực hiện TTHC	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội. b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Lao động d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không
Đối tượng thực hiện TTHC	Doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất và khu công nghệ cao thuộc TP. Hà Nội.

Mẫu đơn, mẫu tờ khai.	Văn bản Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập: Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 8/10/2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ (Mẫu 06).
Phí, lệ phí	Không thu
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Văn bản xác nhận
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không có
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Bộ luật Lao động năm 2012. - Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài 2006. - Nghị định 126/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/03/2009 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế. - Thông tư số 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 8/10/2007 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. - Thông tư Liên tịch số 17/2007/TTLT-BLĐTBXH-NHNN ngày 04/9/2007 của Lao động- Thương binh và Xã hội và Ngân hàng nhà nước quy định việc quản lý và sử dụng tiền ký quỹ của doanh nghiệp và tiền ký quỹ của người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

Tên doanh nghiệp

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐĂNG KÝ HỢP ĐỒNG NHẬN LAO ĐỘNG THỰC TẬP

Kính gửi: Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội

1. Tên doanh nghiệp:

- Tên giao dịch:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:; Fax:; E-mail:

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:

2. Doanh nghiệp đăng ký Hợp đồng nhận lao động thực tập làm việc tại

.....

đã ký ngày tháng năm với đối tác

- Địa chỉ của tổ chức tiếp nhận lao động thực tập:

- Điện thoại:; Fax:

- Người đại diện:

- Chức vụ:

3. Những nội dung chính trong Hợp đồng nhận lao động thực tập:

- Số lượng:, trong đó nữ:

- Ngành nghề:, trong đó: số có nghề:, số không nghề:

- Nơi thực tập (*Tên nhà máy, công trường, viện điều dưỡng, trường học, tàu vận tải, tàu cá, ...*):

- Địa chỉ nơi thực tập:

- Thời hạn hợp đồng:

- Thời gian thực tập (*giờ/ngày*);; số ngày thực tập trong tuần:

- Mức lương cơ bản:

- Các phụ cấp khác (*nếu có*):

- Chế độ làm thêm giờ, làm thêm vào ngày nghỉ, ngày lễ:
- Điều kiện ăn, ở:
- Các chế độ bảo hiểm người lao động được hưởng tại nước đến thực tập:
- Bảo hộ lao động tại nơi thực tập:
- Các chi phí do đối tác đài thọ:
- Vé máy bay:

4. Chi phí người lao động phải trả trước khi đi (nếu có):

- Vé máy bay:
- Học phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết:
- Bảo hiểm xã hội (đóng cho cơ quan BHXH Việt Nam):
- Vé máy bay lượt đi:
- Visa:
- Thu khác (nếu có, ghi cụ thể các khoản):

5. Các khoản thu từ tiền lương của người lao động trong thời gian thực tập ở nước ngoài (thuế hoặc các loại phí theo quy định của nước đến thực tập, ...):

.....

6. Dự kiến thời gian xuất cảnh:

Doanh nghiệp cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật về đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài./.

TỔNG GIÁM ĐỐC
HOẶC GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)